

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TÀI KON TUM



LÊ HOÀNG NHƯ HOÀI

BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

**CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI
NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ
MINH CHI NHÁNH KONTUM**

Kon Tum, tháng 05 năm 2022

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM



BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH CHI NHÁNH KONTUM

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN : NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

SINH VIÊN THỰC HIỆN : LÊ HOÀNG NHƯ HOÀI

LỚP : K12NH

MSSV : 1817340201006

Kon Tum, tháng 05 năm 2022

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện và hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp, em đã nhận được sự giúp đỡ cũng như sự động viên từ rất nhiều phía.

Trước tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới giáo viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp - GV Nguyễn Thị Phương Thảo. Cô không chỉ là người trực tiếp giảng dạy em một số môn học chuyên ngành tại trường trong thời gian qua, mà còn là chỉ bảo tận tình, hướng dẫn em trong suốt thời gian nghiên cứu và thực hiện báo cáo thực tập nghề nghiệp.

Ngoài ra, em cũng mong muốn thông qua chuyên đề tốt nghiệp này, gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô đang giảng dạy tại trường Đại học Đà Nẵng Phân hiệu tại KonTum, những người luôn nhiệt tình và tâm huyết để mang lại cho sinh viên những kiến thức để chúng em có thể có một nền tảng về chuyên ngành của mình.

Bên cạnh đó em cũng xin cảm ơn tới các anh, chị của ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank) Chi nhánh KonTum đã tận tình giúp đỡ và cung cấp số liệu để em có thể hoàn thành được báo cáo thực tập của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Lê Hoàng Như Hoài

TÓM TẮT CHUYÊN ĐỀ

Hoạt động tín dụng là nguồn thu chủ yếu của các Ngân hàng thương mại. Đây là hoạt động mang lại lợi nhuận lớn nhất nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Chính vì vậy, vấn đề chất lượng các khoản vay đóng vai trò đến sự quyết định và tồn tại của các ngân hàng. Một khi xảy ra rủi ro tín dụng, điều này sẽ tác động ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của hệ thống ngân hàng nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Do đó, quản trị rủi ro tín dụng là nội dung quan trọng và cấp thiết đối với mỗi ngân hàng hiện nay. Xuất phát từ thực tế đó, tôi quyết định lựa chọn đề tài: “Công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh Chi nhánh KonTum”

Kết quả nghiên cứu nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng và quản trị tín dụng, sau đó tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng.

Trên cơ sở những kết quả đạt được, giúp Ngân hàng có cái nhìn khách quan và bao quát về thực trạng tín dụng cũng như công tác giảm thiểu rủi ro tín dụng tại Chi nhánh. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP KonTum Chi nhánh KonTum.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

TÓM TẮT CHUYÊN ĐỀ

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT iii

DANH MỤC BẢNG..... iv

DANH MỤC SƠ ĐỒv

PHẦN I ĐẶT VẤN ĐỀ1

1. Lý do chọn đề tài.....1

2. Mục tiêu nghiên cứu2

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu3

4. Phương pháp nghiên cứu:3

5. Kết cấu của đề tài:.....3

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI5

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....5

1.1.1. Khái niệm rủi ro tín dụng.5

1.1.2. Tác động rủi ro tín dụng..... 6

1.1.3. Tác động của rủi ro tín dụng đến ngân hàng thương mại.....10

1.2. QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG ĐẾN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....10

1.2.1. Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng10

1.2.2. Mục tiêu, nguyên tắc quản trị rủi ro tín dụng10

1.2.3. Nội dung công tác quản trị rủi ro tín dụng15

1.2.4. Một số tiêu chí đánh giá hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng.....17

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH- CHI NHÁNH KON TUM20

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH - CHI NHÁNH KONTUM.....20

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh- Chi nhánh Kon Tum20

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh- Chi nhánh Kon Tum21

2.1.3. Kết quả kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh- Chi nhánh Kon Tum, giai đoạn 2018 đến 202024

2.2. ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH – CHI NHÁNH KONTUM.....26

2.2.1. Nhận biết rủi ro tín dụng26

2.2.2. Lượng hoá và đánh giá rủi ro tín dụng28

2.2.3. Ứng phó rủi ro tín dụng.31

2.2.4. Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng.34

2.2.5. Tài trợ rủi ro tín dụng	35
2.3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH – CHI NHÁNH KONTUM.....	37
2.4. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI HD BANK CHI NHÁNH KONTUM	39
2.4.1. Kết quả đạt được.....	39
2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong công tác quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Kontum Chi nhánh KonTum	40
3.1. ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGÂN HÀNG HD BANK VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG	42
3.1.1. Hoạt động quản lý rủi ro năm 2021 Năm 2021	42
3.1.2. Định hướng kế hoạch năm 2022.....	43
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY QUẢN TRỊ RỦI RO HIỆU QUẢ.....	43
3.2.1. Xây dựng quy trình quản trị rủi ro chặt chẽ.....	44
3.2.2. Nâng cao năng lực quản trị về vốn và triển khai Basel II.....	44
3.2.3. Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin khách hàng.....	44
3.2.4. Đào tạo chất lượng nhân sự và tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ.....	45
3.2.5. Hoàn thiện công tác quản lý cơ sở hạ tầng.....	45
3.3. KIẾN NGHỊ.....	46
3.3.1. Đối với Nhà nước, Chính phủ và các bộ ngành liên quan.....	46
3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	47
KẾT LUẬN.....	47
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	
BẢNG ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN	
GIẤY XÁC NHẬN CỦA KHOA VÀ GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

HD BANK	Ngân hàng Phát triển TP Hồ Chí Minh
CBTD	Cán bộ tín dụng
CKH	Có kỳ hạn
CN	Chi nhánh
HD	Hoạt động
HDV	Huy động vốn
KD	Kinh doanh
KH	Khách hàng
KKH	Không kỳ hạn
NH	Ngân hàng
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NQH	Nợ quá hạn
PGD	Phòng giao dịch
RRTD	Rủi ro tín dụng
TD	Tín dụng
TDN	Tổng dư nợ
TMCP	Thương mại cổ phần
TSBĐ	Tài sản bảo đảm

DANH MỤC BẢNG

SỐ HIỆU	Tên bảng	Trang
Bảng 1.1	Mô hình xếp hạng của Moody	14
Bảng 1.2	Mô hình xếp hạng của Standard & Poor's	14
Bảng 1.3	Phân loại nhóm nợ	17
Bảng 1.4	Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo phương pháp định lượng	18
Bảng 2.1	Tình hình lao động của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh KonTum	27
Bảng 2.2	Kết quả hoạt động kinh doanh của HD Bank chi nhánh KonTum giai đoạn 2018-2020	29
Bảng 2.3	Các chỉ tiêu về nhân thân của khách hàng cá nhân	33
Bảng 2.4	Các chỉ tiêu về khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân	34
Bảng 2.5	Tổng hợp điểm và xếp hạng khách hàng	34
Bảng 2.6	Các thang điểm đánh giá tài sản đảm bảo	35
Bảng 2.7	Ma trận ra quyết định cho vay sau khi tổng hợp điểm khách hàng cá nhân	35
Bảng 2.8	Trọng số của phần tài chính và phi tài chính	36
Bảng 2.9	Các thang điểm xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp	36
Bảng 2.10	Tỷ lệ dự phòng cụ thể năm 2018-2020	38
Bảng 2.11	Phân loại khách hàng theo xếp hạng tín dụng	42
Bảng 2.12	Phân loại nhóm nợ	44
Bảng 2.13	Trích lập dự phòng rủi ro năm 2018-2020	46
Bảng 2.14	Kết quả trích lập dự phòng rủi ro tín dụng	47

DANH MỤC SƠ ĐỒ

SỐ HIỆU	Tên biểu đồ	Trang
Sơ đồ 1.1	Phân loại rủi ro tín dụng	9
Sơ đồ 2.1	Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Ngân hàng TMCP và Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh KonTum	26

PHẦN I ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh đất nước ta đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, nền kinh tế nước nhà đang đứng trước nhiều cơ hội mở rộng, tuy nhiên cũng đối mặt với không ít thách thức với những sự thay đổi của nền kinh tế tác động vào. Trong đó từ lâu ngành Ngân hàng từ lâu đã là một ngành dịch vụ lớn và quan trọng với một thị phần khá lớn, vì vậy ngành Ngân hàng có rất nhiều cơ hội phát triển. Đặc biệt, đây là một cơ hội lớn để các ngân hàng thương mại nắm bắt nhanh chóng, tận dụng triệt để nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi cho ngân hàng của mình. Tuy nhiên, là một lĩnh vực kinh doanh đầy nhạy cảm, sự hội nhập đã tạo nên sự cạnh tranh gay gắt giữa các tổ chức tài chính, các NHTM không chỉ ở trong nước mà còn trên khu vực thế giới, cùng với đó hoạt động ngân hàng ngày càng phức tạp và khó khăn hơn thì rủi ro ngân hàng là điều không thể tránh khỏi và có nguy cơ gây ảnh hưởng đến sự ổn định của hệ thống ngân hàng cũng như sự phát triển của nền kinh tế.

Do tác động của đại dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam nói chung và lĩnh vực tài chính, ngân hàng nói riêng không tránh khỏi những tác động tiêu cực, mặc dù Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm khắc phục những tác động tiêu cực đó. Đối với thị trường tài chính, ngân hàng, các tác động tiêu cực. Trong tháng 8 đầu năm 2021, đợt dịch Covid-19 lần thứ tư (từ tháng 4/2021) vẫn diễn biến phức tạp khiến nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước phải tiếp tục thực hiện giãn cách, đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu; thị trường hàng hóa, sản xuất tiêu dùng trong nước bị thu hẹp, thu nhập người dân giảm mạnh. Tín dụng tăng trưởng chậm do các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTM) thận trọng cho vay vì thị trường, doanh nghiệp biến động mạnh. Nợ xấu khu vực có tâm dịch, thành phố lớn tăng do khó khăn từ khối doanh nghiệp cầm cự với giãn cách xã hội và chống dịch theo chỉ đạo của Chính phủ và chính quyền địa phương. Khả năng thanh toán hạn ché do doanh nghiệp ứ đọng hàng hóa, bất động sản đóng băng... đã ảnh hưởng trực tiếp tới các NHTM. Với việc hoạt động sản xuất ngưng chệ, các doanh nghiệp có thể tạm thời ngừng hoạt động. Theo Tổng cục Thống kê, trong 8 tháng đầu năm 2021, có 85,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020, bao gồm: 43,2 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước; 30,1 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 24,5%; 12,2 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 17,8%. Trung bình mỗi tháng có gần 10,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Theo đó, một số lượng lớn người lao động ngưng việc hay thậm chí rơi vào trạng thái thất nghiệp. Sự mất mát trong thu nhập sẽ khiến cho cầu của đối tượng này giảm mạnh. Ảnh hưởng kể trên sẽ đặc biệt nghiêm trọng đối với những người nằm ngoài vùng phủ của bảo hiểm thất nghiệp. Một số ngành chịu ảnh hưởng nặng nề, các doanh nghiệp (thuộc các lĩnh vực hàng không, du lịch, thương mại, dịch vụ) có khả năng phá sản hàng loạt hậu Covid-19 sẽ ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế nói chung, lĩnh vực ngân hàng nói riêng. Do biện pháp

chống dịch được áp dụng chủ yếu là giải pháp cách ly xã hội khiến nguồn cung lao động giảm mạnh, đặc biệt trong những khu vực đòi hỏi sự cách ly trực tiếp lao động vào quá trình sản xuất. Ngoài ra, với những vùng tâm dịch, việc đóng cửa những hoạt động không thiết yếu, thực thi những quy tắc hạn chế đi lại, khiến cho nhiều hoạt động sản xuất bị ngưng chệ, tác động gián tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 gây ra tâm lý tiêu cực trong và sau đại dịch khiến cho khách hàng tiêu dùng và nhà đầu tư có trạng thái tâm lý trì hoãn tiêu dùng, không có nhu cầu vay vốn và đầu tư, điều này ảnh hưởng gián tiếp đến các dịch vụ ngân hàng như Internet banking, giao dịch các sản phẩm ngân hàng... ảnh hưởng lợi nhuận ròng từ tín dụng và phi tín dụng của ngân hàng. Sau đại dịch Covid-19, sự phá sản của các doanh nghiệp có thể tạo ra khủng hoảng nợ, là tiền đề cho nợ xấu ngân hàng tăng và hệ lụy ảnh hưởng những “đổ vỡ” trong hệ thống tài chính.

Đứng trước bối cảnh này, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank) Chi nhánh KonTum, với bề dày kinh nghiệm hoạt động vẫn luôn khẳng định được uy tín và vị thế trong ngành Ngân hàng Việt Nam. Với thành tích nhiều năm liên tiếp đứng đầu trong dịch vụ ngân hàng bán lẻ, thành tích này là một thành quả đáng ghi nhận bởi đội ngũ cán bộ của Ngân hàng đã đưa ra các chính sách để phát triển các dịch vụ bán lẻ của Ngân hàng một cách bền vững và nhanh chóng. Không chỉ chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các ngân hàng trong và ngoài nước, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank) - Chi nhánh KonTum cũng như các ngân hàng khác cũng phải đối mặt với các loại rủi ro phát sinh từ các hoạt động bên trong ngân hàng, trong đó rủi ro tín dụng là rủi ro cơ bản nhất và cũng phức tạp nhất của ngân hàng. Rủi ro tín dụng xuất phát từ hoạt động chủ yếu và mang lại lợi nhuận chính cho ngân hàng. Tuy nhiên, nếu ngân hàng có một quản trị rủi ro tín dụng tốt, có thể hạn chế và khắc phục được các rủi ro thì sẽ là một lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh nền kinh tế hiện tại.

Vì vậy, công tác quản trị rủi ro tín dụng là một hoạt động không thể thiếu và đóng vai trò như là trung tâm của hoạt động quản trị ngân hàng thương mại. Nâng cao công tác quản trị rủi ro tín dụng nói chung và quản trị rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân nói riêng là một vấn đề thiết yếu và mối quan tâm hàng đầu của các ngân hàng thương mại. Đây là lý do tôi chọn đề tài “**Công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank) - Chi nhánh KonTum**” để làm đề tài Chuyên đề tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

* *Mục tiêu tổng quát:* Đánh giá thực trạng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank) - Chi nhánh KonTum. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng, hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý rủi ro tín dụng tại chi nhánh.

* *Mục tiêu cụ thể:*

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản trị tín dụng của NHTM.
- Phân tích, đánh giá làm rõ thực trạng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank) - Chi nhánh KonTum.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank) - Chi nhánh KonTum.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* *Đối tượng nghiên cứu:* Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro tín dụng tại HD Bank KonTum.

* *Phạm vi nghiên cứu:*

- Phạm vi không gian: HD Bank Chi nhánh KonTum.

- Phạm vi thời gian: Sử dụng số liệu giai đoạn năm 2018 đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu:

- *Phương pháp tổng hợp và phân tích:* số liệu được cung cấp và do Ngân hàng công bố trên website, các nguồn tài liệu tìm kiếm được (sách báo, truyền hình, internet,...) nghị định, thông tư, chủ trương,... của Chính phủ, NHNN và Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh Chi nhánh KonTum.

-*Phương pháp so sánh:* so sánh các số liệu, chỉ tiêu qua ba năm từ 2018 đến 2020.

-*Phương pháp thống kê, mô tả:* Là phương pháp được sử dụng để thống kê số liệu và mô tả những đặc tính cơ bản của số liệu thông qua các biểu đồ, đồ thị, và các bảng tóm tắt số liệu.

-*Phương pháp chỉ số:* Chỉ số là một số tương đối được biểu hiện bằng lần hoặc %, được tính bằng cách so sánh hai mức độ của cùng một hiện tượng kinh tế- xã hội. Phương pháp chỉ số được sử dụng để phân tích các hiện tượng kinh tế- xã hội. Trong bài nghiên cứu này, phương pháp chỉ số được dùng sử dụng để nghiên cứu sự biến động của các con số liên quan đến rủi ro tín dụng qua thời gian, không gian và phân tích ảnh hưởng biến động của những nhân tố đó đến rủi ro tín dụng.

-*Phương pháp phân tích số liệu:* Tiến hành lấy thông tin số liệu tại ngân hàng: số liệu về kết quả kinh doanh, các chỉ số phản ánh hoạt động tín dụng, số liệu tài chính qua các năm để so sánh sự tăng hay giảm của các chỉ tiêu tài chính và chỉ ra nguyên nhân dẫn đến sự biến động đó.

5. Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần đặt vấn đề và kết luận, kết cấu đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn quản trị rủi ro tín dụng của các NHTM.

Những vấn đề cơ bản về quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại. Chương này tập trung đưa ra các lý luận về tín dụng, rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng như đặc điểm, khái niệm, vai trò, phân loại về hoạt động tín dụng; khái niệm, phân loại rủi ro và rủi ro tín dụng,... Trọng tâm là lý luận về quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank)- Chi nhánh KonTum.

Chương này giới thiệu lịch sử hình thành, phát triển và cơ cấu tổ chức của Chi nhánh. Đồng thời, tác giả đi sâu phân tích tình hình hoạt động kinh doanh. Tình hình, thực

trạng rủi ro tín dụng và công tác tài trợ rủi ro tín dụng của Chi nhánh. Từ đó tìm hiểu các nguyên nhân để có cơ sở đánh giá hiệu quả công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh.

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD Bank)- Chi nhánh KonTum.

Giải pháp nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh chi nhánh KonTum. Từ cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại và thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro tín dụng của Chi nhánh trong thời gian tới

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm rủi ro tín dụng.

Rủi ro là nguy cơ xảy ra những sự kiện ngoài mong muốn, gây ra những tác động bất lợi cho các nhân hay tổ chức. Đối với ngân hàng, các tác động này có thể dẫn đến sự giảm sút trong doanh thu, hoặc đặt tình trạng khó khăn về tài chính. Ngoài ra, các tác động này có thể biểu hiện dưới dạng phi tài chính gây hậu quả tiêu cực đến uy tín, khả năng sinh lời trong tương lai của ngân hàng.

Trong hoạt động của ngân hàng thương mại có các loại rủi ro như: Rủi ro thị trường, rủi ro tác nghiệp, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng. Trong đó, rủi ro tín dụng là rủi ro quan trọng nhất.

Rủi ro tín dụng, theo định nghĩa bởi Hiệp ước Basel ra đời năm 2010, là khả năng mà ngân hàng sẽ mất một phần hoặc toàn bộ khoản vay từ những sự kiện đe dọa khả năng thanh toán của khách hàng. Các sự kiện không mong muốn này bao gồm phá sản của khách hàng hoặc sự cố tình từ chối thanh toán khoản nợ của khách hàng.

Căn cứ vào khoản 01 Điều 03, theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN thì: “Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

Như vậy, dù cách thể hiện khác nhau nhưng các khái niệm về rủi ro tín dụng được đưa ra đều hội tụ chung ở một điểm là rủi ro tín dụng chính là tổn thất mà ngân hàng có thể gặp phải từ sự không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của khách hàng.

1.1.2. Phân loại rủi ro tín dụng

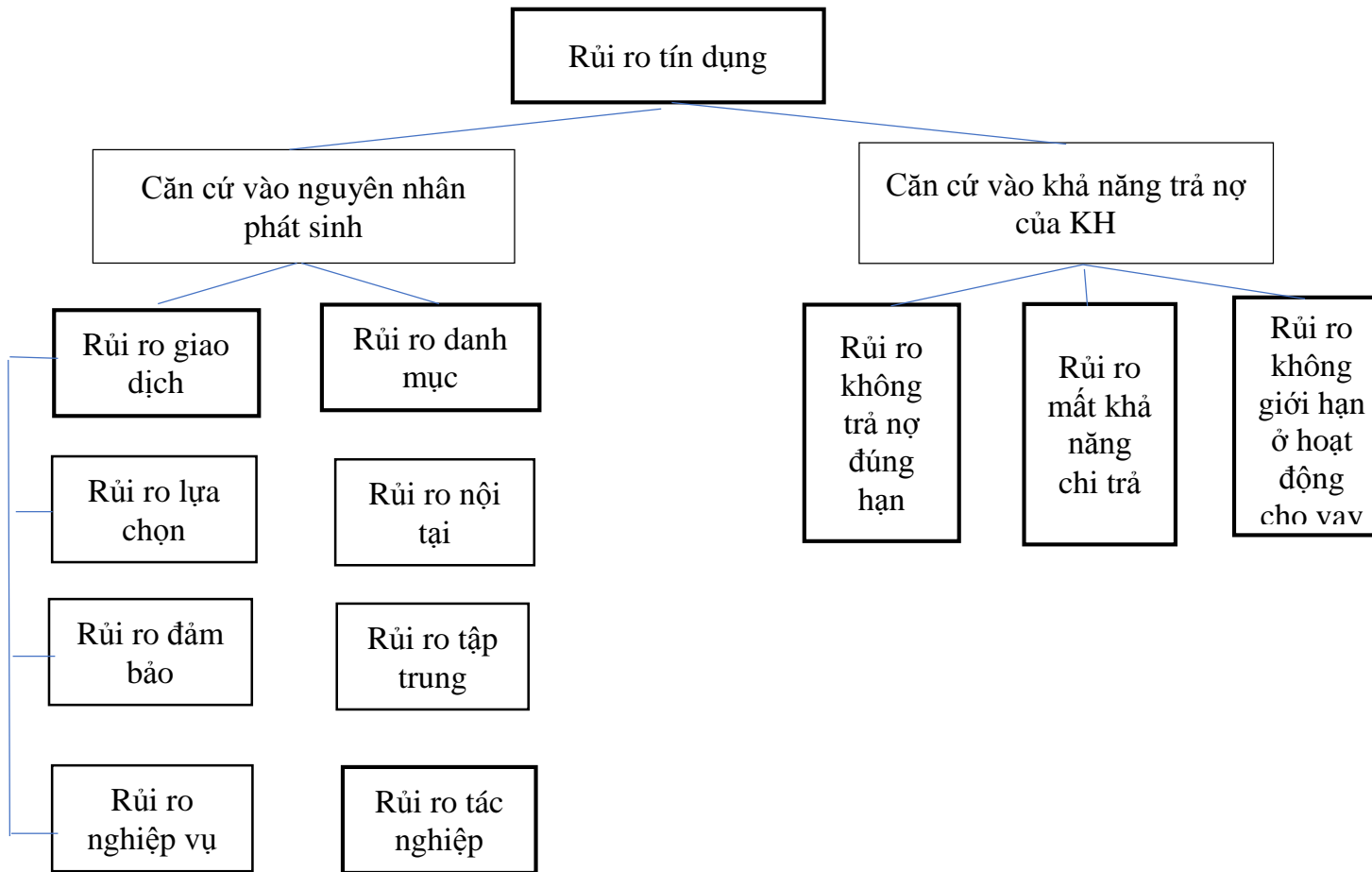
Hoạt động tín dụng là một trong những hoạt động quan trọng của Ngân hàng thương mại. Tuy nhiên song ngành với hoạt động này là rủi ro tín dụng:

a. Căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng

- Rủi ro không trả nợ đúng hạn: Khi khách hàng và ngân hàng thiết lập mối quan hệ tín dụng thì sẽ quy ước thời gian hoàn trả khoản tiền vay. Nhưng đến khi hết hạn quy ước, ngân hàng vẫn chưa thu hồi được vốn đầy đủ.
- Rủi ro mất khả năng chi trả: Là rủi ro xảy ra khi khách hàng vay vốn mất khả năng chi trả, ngân hàng phải xử lý TSDB để bù đắp tổn thất.
- Rủi ro không giới hạn ở hoạt động cho vay: Bao gồm các hoạt động khác mang tính chất tín dụng của ngân hàng như cam kết, bảo lãnh, cho vay trên thị trường liên ngân hàng, chấp thuận tài trợ thương mại, tín dụng thuê mua, đồng tài trợ,...

b. Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh

- Rủi ro giao dịch: Rủi ro giao dịch là một hình thức của rủi ro tín dụng mà nguyên nhân phát sinh là do những hạn chế trong quá trình giao dịch, xét duyệt cho vay và đánh giá khách hàng.
- Rủi ro lựa chọn: là những rủi ro trong quá trình lựa chọn, phân tích, đánh giá thông tin về khách hàng, phương án vay vốn, phương án thu nợ để đưa ra quyết định cấp tín dụng.
- Rủi ro bảo đảm: phát sinh từ các tiêu chuẩn đảm bảo như các điều khoản trong hợp đồng cho vay, liên quan đến tài sản bảo đảm.
- Rủi ro nghiệp vụ: là rủi ro liên quan đến công tác quản lý khoản vay và hoạt động cho vay, bao gồm cả việc sử dụng hệ thống xếp hạng rủi ro và kỹ thuật xử lý các khoản vay có vấn đề.
- Rủi ro danh mục: là một hình thức của rủi ro tín dụng mà nguyên nhân phát sinh là do các yếu tố khách quan từ nền kinh tế, môi trường, ngành nghề.
- Rủi ro nội tại: Xuất phát từ các yếu tố, đặc điểm mang tính riêng biệt bên trong của mỗi chủ thể đi vay hoặc ngành, lĩnh vực kinh tế.
- Rủi ro tập trung: Ngân hàng tập trung vốn cho vay quá nhiều đối với một số khách hàng, cho vay quá nhiều doanh nghiệp hoạt động trong cùng một ngành, lĩnh vực kinh tế, hoặc trong cùng một vùng địa lý nhất định.
- Rủi ro tác nghiệp: là nguy cơ tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp do cán bộ ngân hàng, quá trình xử lý và hệ thống nội bộ không đầy đủ hoặc không hoạt động hoặc do các sự kiện bên ngoài tác động vào hoạt động ngân hàng.



Sơ đồ 1.1. Phân loại rủi ro tín dụng

(Nguồn Phòng Tổ chức hành chính- HD BANK)

1.1.3. Tác động của rủi ro tín dụng đến ngân hàng thương mại

Rủi ro tín dụng là một trong những mối lo ngại rất lớn của các ngân hàng thương mại vì rủi ro này không những ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động và uy tín của ngân hàng mà còn quyết định sự tồn tại và phát triển của ngân hàng. Rủi ro tín dụng làm cho giá trị tài sản của ngân hàng giảm sút, làm mất vốn và sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của ngân hàng.

Thứ nhất, rủi ro tín dụng làm giảm giá trị tài sản của ngân hàng

Thứ hai, rủi ro tín dụng làm tăng nguy cơ mất vốn và ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của ngân hàng

Thứ ba, rủi ro tín dụng ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng

Khi rủi ro tín dụng tăng lên (các khoản nợ xấu tăng), ngân hàng phải bỏ thêm nhiều khoản chi phí liên quan đến việc giải quyết các khoản nợ xấu này. Các chi phí tăng thêm bao gồm: chi phí để tăng cường giám sát những khách hàng vay quá hạn và các tài sản thế chấp của họ; chi phí phân tích và dàn xếp (thỏa thuận) với khách hàng về các khoản vay này; chi phí duy trì và xử lý tài sản đảm bảo; chi phí liên quan đến việc bảo vệ danh tiếng và sự an toàn của ngân hàng đối với các cơ quan quản lý và thị trường tài chính; chi phí tăng thêm để đảm bảo chất lượng của các khoản cho vay khác. Việc gia tăng các chi phí này làm cho rủi ro tín dụng có thể trở thành một nguyên nhân làm giảm hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

Ở một khía cạnh khác, khi rủi ro tín dụng tăng lên do các điều kiện kinh tế bất lợi nằm ngoài khả năng kiểm soát của ngân hàng thì ngân hàng sẽ phải bỏ thêm chi phí để khắc phục những hậu quả do các khoản nợ đó mang lại. Như vậy, rủi ro tín dụng làm tăng chi phí và từ đó làm giảm hiệu quả của ngân hàng.

Thứ tư, rủi ro tín dụng làm giảm uy tín của ngân hàng

Thứ năm, rủi ro tín dụng có thể làm cho ngân hàng bị phá sản

(Phân tích các ý 1 – 5 như trên)

1.2 QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG ĐẾN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1 . Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng

Quản trị rủi ro tín dụng được định nghĩa là quá trình nhận dạng, phân tích, đo lường, đánh giá rủi ro, để từ đó tìm các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh nhằm sử dụng tối ưu các nguồn lực. Quản trị rủi ro có vai trò của quản trị rủi ro trong tổ chức: Giúp tổ chức ra quyết định đúng đắn, giúp hoạt động kinh doanh hiệu quả, ổn định, an toàn, thực hiện mục tiêu và chiến lược kinh doanh, đồng thời tăng vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

1.2.2 . Mục tiêu, nguyên tắc quản trị rủi ro tín dụng

a. Mục tiêu.

Việc quản lý rủi ro chặt chẽ giúp NH đánh giá chính xác nguy cơ gây ra rủi ro của KH trước khi cho vay, làm cơ sở để đưa ra quyết định tín dụng phù hợp, đồng thời sớm phát hiện được rủi ro từ những KH đang vay vốn, nhanh chóng xử lý rủi ro từ khi mới chớm phát hiện, để giảm thiểu khả năng mất vốn và lãi.

b. Nguyên tắc.

Chấp nhận RRTD một cách chủ động và có ý thức: do RRTD tồn khách quan trong quá trình hoạt động kinh doanh tín dụng, nên cần phải chấp nhận một cách chủ động để có các biện pháp phòng ngừa và hạn chế RRTD.

Phân tích độc lập bộ phận phát sinh RRTD, bộ phận giám sát và kiểm tra RRTD để đảm bảo sự khách quan giữa cấp tín dụng và kiểm soát rủi ro.

Công khai: Mọi nhân viên NH đều phải biết về RRTD và khuyến khích phát hiện RRTD.

1.2.3 .Nội dung công tác quản trị rủi ro tín dụng

a. Nhận diện rủi ro tín dụng

Để quản trị RRTD trước hết cần nhận diện rủi ro. Nhận diện RRTD là quá trình xác định liên tục và có hệ thống trong hoạt động kinh doanh tín dụng của ngân hàng. Nhận diện RRTD không chỉ thống kê những loại rủi ro đã và đang xảy ra, mà còn dự báo những dạng rủi ro mới có thể xuất hiện trong ngân hàng.

Có nhiều dấu hiệu khác nhau giúp ngân hàng có thể nhận diện RRTD.

- Dấu hiệu liên quan đến quan hệ với NH.

Khách hàng có biểu hiện như: không thanh toán, thanh toán chậm hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản lãi và nợ gốc khi đến hạn, xin gia hạn nợ, chu kỳ vay thường xuyên gia tăng,...

- Nhóm các dấu hiệu liên quan đến quản lý và tổ chức của KH

Khách hàng có các biểu hiện như: không có sự thống nhất trong hội đồng quản trị về quan điểm cách thức quản lý, nội bộ không đoàn kết, có sự mâu thuẫn tranh dành quyền lực, quản lý nhân sự yếu kém, cơ cấu tổ chức không hợp lý,...

- Nhóm các dấu hiệu về hoạt động SXKD của doanh nghiệp hay đời sống của KH cá nhân

Khách hàng có các biểu hiện như lợi nhuận của DN không đạt được như dự kiến kế hoạch, hệ số quay vòng vốn thấp, khả năng thanh toán giảm,.... Đối với cá nhân, thu nhập của KH không ổn định hay phải thay đổi vị trí công tác với thu nhập thấp hơn.

- Dấu hiệu về xử lý thông tin tài chính kế toán

KH có các biểu hiện như chậm trễ hay trì hoãn nộp báo cáo tài chính, các số liệu trong báo cáo tài chính có dấu hiệu bị làm giả. Đối với KH cá nhân có dấu hiệu trì hoãn nộp các tài liệu, chứng từ chứng minh thu nhập, tài sản, nơi cư trú,...

- Nhóm dấu hiệu thuộc về thương mại

DN mở rộng đầu tư vào các lĩnh vực không thuộc về ngành nghề chuyên môn của mình, các yếu tố thị trường không thuận lợi, cơ cấu vốn không hợp lý, sử dụng vốn không đúng mục đích,...

- Nhóm các dấu hiệu về pháp luật

KH vi phạm pháp luật, chính sách cơ quan nhà nước hoặc các quy định pháp lý thay đổi theo hướng bất lợi cho KH.

Căn cứ vào các nguyên nhân gây ra RRTD ngân hàng cụ thể hóa thành các dấu hiệu phát sinh trong hoạt động phản ánh RRTD, dư nợ khách hàng, thời hạn chậm thanh toán chia ra thành 5 nhóm nợ:

b. Đo lường rủi ro tín dụng:

Phân tích, đo lường RRTD là việc NH xây dựng mô hình thích hợp để lượng hóa mức độ RRTD của khách hàng. Từ đó xác định phần bù rủi ro và giới hạn tín dụng an toàn tối đa đối với một khách hàng, cũng như trích lập quỹ dự phòng để tài trợ cho RRTD. Để đo lường RRTD ngân hàng cần thu thập số liệu, thông tin và phân tích, đánh giá rủi ro. Trên cơ sở kết quả thu thập được, lập ma trận đo lường rủi ro.

Có hai phương pháp để phân tích, đo lường RRTD, đó là: phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Hai phương pháp này không loại trừ nhau mà hỗ trợ lẫn nhau, để phân tích, đo lường RRTD. Do vậy, NH có thể sử dụng một trong hai phương pháp hoặc sử dụng cả hai phương pháp để đánh giá, đo lường RRTD.

- Phương pháp định tính: NH tiến hành thu thập, phân tích thông tin, đo lường RRTD khách hàng vay về các mặt. Năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, nhu cầu vốn vay, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ,...

- Phương pháp định lượng: NH xây dựng hệ +thống xếp hạng tín dụng KH thông qua việc chấm điểm hai nhóm chỉ tiêu: Nhóm các chỉ tiêu phi tài chính, nhóm các chỉ tiêu tài chính và tỷ trọng từng nhóm chỉ tiêu. Kết quả xếp hạng tín dụng cho phép NH phân KH vay vốn ra thành nhiều nhóm khách hàng khác nhau có mức độ rủi ro khác nhau. Tương ứng với mỗi nhóm khách hàng, NH áp dụng các chính sách khác nhau và giám sát khoản vay phù hợp với mức độ rủi ro được đo lường cho từng nhóm khách hàng.

Hiện nay, một số mô hình phổ biến để đo lường RRTD trong các NHTM gồm có: Mô hình chất lượng 6C (Character, Capacity, Cash flow, Collateral, Conditions, Control), mô hình xếp hạng tín dụng của Moody và Standard & Poor's, mô hình điểm số Z (Z- Credit scoring model), mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ. [Xem phụ lục số...]

Theo Phạm Thu Thủy & Đỗ Thị Thu Hà (2013), cách tiếp cận truyền thống đo lường rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chỉ tiêu như hệ số nợ quá hạn, hệ số nợ xấu, hệ số rủi ro mất vốn, hệ số khả năng bù đắp rủi ro,... Trong các chỉ tiêu này, nợ xấu là chỉ tiêu phổ biến nhất để đo lường rủi ro tín dụng.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN liên quan đến việc phân loại nợ thì nợ xấu (NPL) là các khoản nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5. Nhóm 3 là các khoản nợ dưới tiêu chuẩn, các khoản nợ đã quá hạn từ 90 đến 180 ngày. Nhóm 4 gồm các khoản nợ nghi ngờ, với thời gian quá hạn từ 181 đến 360 ngày. Trong khi đó, nợ có khả năng mất vốn là các khoản nợ trong nhóm 5, đã quá hạn trên 360 ngày.

Bảng 1.3. Phân loại nhóm nợ

TT	Nhóm	Định lượng	Định tính
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	-Nợ chưa đến hạn trả -Các khoản nợ đến hạn thanh toán chưa trả được và được ân hạn 10 ngày.	-Nợ có khả năng thu hồi đầy đủ vốn gốc và lãi.

2	Nợ cần chú ý	-Các khoản nợ quá hạn từ 10- 90 ngày. -Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	-Nợ có khả năng thu hồi đầy đủ vốn gốc và lãi nhưng có dấu hiệu KH suy giảm khả năng trả nợ.
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	-Các khoản nợ quá hạn từ 91-180 ngày. -Các khoản nợ được gia hạn. -Các khoản nợ được miễn giảm hoặc giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.	-Nợ không có khả năng thu hồi vốn gốc và lãi khi đến hạn.
4	Nợ nghi ngờ	-Các khoản nợ quá hạn từ 181-360 ngày. -Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lãi lần đầu. -Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.	-Nợ có khả năng tổn thất cao.
5	Nợ có khả năng mất vốn	-Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày. -Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu. -Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai bị quá hạn theo thời hạn trả nợ cơ cấu lại lần thứ hai. -Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn. -Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.	-Nợ không có khả năng thu hồi, mất vốn.

(Nguồn: Tổng hợp số liệu Phòng Kế hoạch Tài chính ngân hàng nhà nước)

Đánh giá rủi ro tín dụng

c. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng

Công việc quan trọng của công tác quản trị RRTD là kiểm soát RRTD. Kiểm soát RRTD là sử dụng các biện pháp, các kỹ thuật, các công cụ, các chương trình hoạt động để ngăn ngừa, né tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất, những ảnh hưởng không mong đợi có thể xảy ra đối với ngân hàng.

Để kiểm soát RRTD cần thực hiện các giải pháp sau:

- Xây dựng và thực thi các chính sách, công cụ để kiểm soát RRTD:
- + Chính sách tín dụng: phản ánh cương lĩnh cấp tín dụng của một NH, trở thành hướng dẫn chung cho cán bộ NH, tăng cường chuyên môn hóa trong phân tích tín dụng, tạo sự thống nhất chung trong hoạt động tín dụng.

+ Quy trình tín dụng: Việc thiết lập một quy trình cấp tín dụng chặt chẽ để hướng dẫn nhân viên NH và các bộ phận có liên quan thực thi việc cấp tín dụng và kiểm soát rủi ro đạt hiệu quả có ý nghĩa rất quan trọng.

Về mặt quản trị, việc xây dựng quy trình cấp tín dụng hợp lý có tác dụng:

+ Làm cơ sở cho việc xây dựng một mô hình thích hợp tại NH. Trong đó nhiệm vụ của các phòng, ban, bộ phận chức năng được xác định rõ ràng, từ đó làm cơ sở cho phân công trách nhiệm ở từng vị trí.

+ Hướng dẫn thực hiện thống nhất nghiệp vụ cấp tín dụng tại NH, phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình cấp tín dụng, quản lý và giám sát RRTD.

+ Là cơ sở để kiểm soát tiến trình cấp tín dụng và điều chỉnh chính sách tín dụng cho phù hợp với thực tiễn.

+ Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về cấp tín dụng và bảo đảm tiền vay, tránh các vướng mắc khi xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay.

+ Quản lý, giám sát danh mục cấp tín dụng, giúp cho NH phân bổ nguồn vốn một cách hợp lý vào các lĩnh vực, ngành nghề theo các giới hạn quy định, thực hiện đa dạng hóa KH và phương pháp cấp tín dụng nhằm hạn chế tối đa RRTD.

- Các biện pháp giảm thiểu, khắc phục RRTD:

Để giảm thiểu RRTD xảy ra, NH cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

+ Bảo hiểm tín dụng: NH yêu cầu KH mua bảo hiểm tại các tổ chức bảo hiểm để thu hồi nợ khi rủi ro xảy ra, thực chất đây là biện pháp chuyển một phần hay toàn bộ RRTD cho bên thứ ba.

+ Quản lý, giám sát và hoàn thiện hồ sơ khoản cấp tín dụng: NH thực hiện việc giám sát khoản cấp tín dụng, thu nhập các thông tin về tình hình tài chính, tình hình hoạt động SXKD và các thông tin có liên quan khác, đánh giá nguyên nhân gây ra rủi ro để có biện pháp xử lý phù hợp. Đồng thời, rà soát xem xét lại tài sản bảo đảm nợ vay của KH cả về mặt pháp lý lẫn định lại giá trị tài sản bảo đảm theo giá thị trường...

+ Trích và sử dụng DPRR tín dụng: ngay khi có dấu hiệu xảy ra tổn thất, NH trích lập dự phòng theo mức độ nghiêm trọng của khả năng xảy ra rủi ro để có nguồn bù đắp rủi ro trong tương lai mà không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn của NH. Căn cứ vào kết quả của hoạt động đo lường rủi ro, NH chia danh mục tín dụng ra làm các nhóm và trích lập DPRR tín dụng theo tỷ lệ phù hợp với từng nhóm (5 nhóm nợ). Ngoài ra, NH còn trích lập dự phòng chung với dư nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 với tỷ lệ 0,75%.

+ Cấp thêm vốn, cơ cấu lại thời gian trả nợ hoặc miễn, giảm lãi, gốc: Việc làm này thường áp dụng đối với khách hàng được đánh giá tốt, có quan hệ lâu năm với NH, có dự án khả thi, nhưng do một số điều kiện tác động mà tạm thời chưa thể trả được nợ cho NH.

+ Phát mại TSBD: NH thuyết phục KH tự nguyện bán tài sản của mình để trả nợ. Trường hợp khách hàng không có thiện trí tự nguyện bán tài sản thì NH sẽ tiến hành bán TSBD để thu hồi nợ theo sự giám sát và sự phán quyết của cơ quan pháp luật.

+ Bán nợ: Đây là hình thức bán một phần hoặc toàn bộ khoản nợ cho chủ thể khác để thu hồi khoản nợ đang rủi ro, nhằm giảm thiểu tổn thất cho NH.

+ Biện pháp đối với cán bộ NH, các bộ phận liên quan trong NH: Cần xác định nguyên nhân, trách nhiệm của từng cá nhân, từng đơn vị để RRTD xảy ra. Trên cơ sở đó, NH lựa chọn mức độ xử lý như: truy cứu trách nhiệm, bồi thường vật chất,... để giảm thiểu, khắc phục RRTD.

d. Tài trợ rủi ro tín dụng

Là việc NH sử dụng những kỹ thuật, công cụ, tài chính để tài trợ cho chi phí của rủi ro và tổn thất cụ thể ở đây là bù đắp tổn thất các khoản cho vay khi rủi ro xảy ra. Trong tài trợ rủi ro tín dụng, các ngân hàng thường dùng phổ biến một số công cụ:

– Trích lập dự phòng rủi ro

Ngân hàng sẽ tiến hành phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

Quyết định 493/2005/QĐ- NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng (sau đây được gọi tắt là quyết định 499/2005) cho phép phân loại nợ theo phương pháp “định lượng” được quy định tại điều 6 và còn cho phép các tổ chức tín dụng có đủ khả năng và điều kiện thực hiện và phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo phương pháp định tính được quy định tại điều 7 nếu được NHNN chấp thuận bằng văn bản

Bảng 1.4. Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo phương pháp định lượng

Nhóm nợ	Biểu hiện	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)	<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng đang nợ trong hạn và được đánh giá có khả năng thu hồi được đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn. Khách hàng đang bị nợ quá hạn dưới 10 ngày và vẫn được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi bị quá hạn và khoản lãi và gốc trong thời hạn còn lại. 	0%
Nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng bị nợ quá hạn từ 10- 90 ngày. Khách hàng được gia hạn nợ lần đầu. 	5%
Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)	<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày. Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân loại vào nhóm 2 trở lên. Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả đủ theo hợp đồng tín dụng. 	20%

Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)	<ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày. • Các khoản nợ khó đòi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu. • Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai. 	50%
Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)	<ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng nợ quá 360 ngày. • Các khoản nợ khó đòi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu. • Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai. • Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên (kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn). • Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý. 	100%

(Nguồn: Tổng hợp số liệu Phòng Kế hoạch Tài chính ngân hàng nhà nước)

Bán nợ

Hoạt động bán nợ gồm hai loại chính: Bán nợ tham gia và chuyển nhượng nợ.

– Hợp đồng trao đổi tín dụng:

Một trong những hình thức điển hình nhất của các công cụ tín dụng phái sinh là hợp đồng hoán đổi tín dụng, trong đó hai tổ chức cho vay thỏa thuận trao đổi cho nhau một phần các khoản thanh toán theo hợp đồng tín dụng của mỗi bên. Việc các bên tham gia hợp đồng tín dụng giúp các ngân hàng nâng cao tính đa dạng hóa của danh mục cho vay, đặc biệt nếu các ngân hàng hoạt động trong những thị trường khác nhau.

Đặc điểm thanh toán bất ngờ của hợp đồng hoán đổi tín dụng gần giống với những đặc điểm thường gắn với hợp đồng bảo hiểm. Như vậy người mua tín dụng gắn với hợp đồng bảo hiểm. Như vậy, người mua bảo hiểm đối với rủi ro tín dụng bằng cách chi các khoản thanh toán định kỳ theo một tỷ lệ % cố định của mệnh giá khoản tín dụng. Nếu RRTD dự kiến xảy ra, ví dụ người vay vỡ nợ, người bán bảo hiểm chi trả một khoản thanh toán để bù đắp cho phần tín dụng đã được bảo hiểm. Người lại người mua bảo hiểm không phải chi trả một khoản tiền nào cả.

– Hợp đồng quyền tín dụng:

Hợp đồng quyền chọn tín dụng là một công cụ bảo vệ của ngân hàng nhà trước những tổn thất trong trị giá tài sản tín dụng, giúp bù đắp mức chi phí vay vốn cao hơn khi chất lượng tín dụng của ngân hàng giảm sút. Hợp đồng này đảm bảo thanh toán toàn bộ khoản cho vay nếu như các khoản cho vay này giảm giá đáng kể hoặc không được thanh toán. Nếu khách hàng vay vốn trả nợ như kế hoạch, ngân hàng sẽ thu được thanh toán như dự

tính và hợp đồng quyền chọn sẽ không được sử dụng. Như vậy, ngân hàng sẽ mất toàn bộ phí trả trên hợp đồng quyền.

Hợp đồng quyền chọn cũng có thể được sử dụng để bảo vệ ngân hàng trước rủi ro chi phí vay vốn tăng do chất lượng tín dụng của ngân hàng giảm.

Công tác quản trị RRTD của một ngân hàng thực hiện hiệu quả chỉ khi thực hiện các bước trong quy trình quản trị RRTD một cách chặt chẽ, móc xích lẫn nhau. Trong 4 bước này, bước 1 và bước 3 được coi là bước quan trọng nhất. Bởi vì khi phát hiện rủi ro càng sớm, chủ động trong quản lý và kiểm soát rủi ro thì càng giảm thiểu được nhiều tổn thất trong hoạt động tín dụng.

Từ đó, có thể thấy vấn đề cốt lõi trong quản trị tín dụng NH chính là đưa ra các giải pháp, cách thức để phát hiện sớm rủi ro. Hiện nay nhiều NH đã xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro, thực hiện thẩm định tín dụng, cũng có hệ thống báo cáo thông tin quản trị tín dụng MIS,... Đây chính là những cách thức nhằm phát hiện sớm RRTD.

1.2.4. Một số tiêu chí đánh giá hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng

a. Tỷ lệ nợ quá hạn

Giới hạn góp vốn, mua cổ phần: Ngân hàng thương mại mua, nắm giữ cổ phiếu (bao gồm cả các khoản ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác và cổ đông của ngân hàng thương mại mua, nắm giữ cổ phiếu) của tổ chức tín dụng khác phải đảm bảo tuân thủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN.

Tại thời điểm mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn vốn điều lệ đã đăng ký
- Đảm bảo các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Thông tư này
- Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%
- Có quy trình xét duyệt, thẩm định, đánh giá rủi ro đối với việc mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác
- Từng khoản mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác phải được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua
- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động ngân hàng trong thời gian 01 năm trước ngày mua, nắm giữ cổ phiếu

Tỷ lệ NQH = Số dư nợ quá hạn / Tổng dư nợ * 100%

Nếu tỷ lệ NQH cao chứng tỏ chất lượng tín dụng thấp, ngược lại, tỷ lệ NQH thấp chứng tỏ chất lượng tín dụng cao.

b. Tỷ lệ nợ xấu

Cũng theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN thì nợ xấu là các khoản nợ thuộc nhóm 3, 4 và 5.

Tỷ lệ nợ xấu = Nợ xấu / Tổng dư nợ * 100%

Tỷ lệ Nợ xấu cho biết cứ 100 đồng tổng dư nợ thì có bao nhiêu đồng là nợ xấu. Nợ xấu phản ánh khả năng thu hồi vốn khó khăn, vốn của ngân hàng đang ở mức rủi ro cao, đó là nguy cơ mất vốn.

c. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi

Theo Thông tư số 36 do NHNN ban hành, tỷ lệ này được tính theo tỷ lệ phần trăm giữa tổng dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi, và đối với các NHTM thì tỷ lệ này phải được duy trì ở mức 80%.

$$\text{Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi} = \frac{\text{Tổng dư nợ}}{\text{Tổng tiền gửi}} * 100\%$$

Như vậy, Ngân hàng có thể căn cứ để quyết định quy mô, tỷ trọng đầu tư vào các lĩnh vực một cách hợp lý để vừa đảm bảo vốn cho vay, vừa có thể thu lại lợi nhuận cao nhất có thể.

d. Trích lập dự phòng rủi ro

Theo quy định, tỷ lệ trích lập dự phòng hiện nay đối với từng nhóm nợ như sau: 0% với nợ tiêu chuẩn – nợ nhóm 1; 5% với nợ cần chú ý trích lập – nợ nhóm 2; 20% với nợ dưới chuẩn – nợ nhóm 3; 50% với nợ nghi ngờ – nợ nhóm 4 và 100% với nợ có khả năng mất vốn – nợ nhóm 5. Ngoài ra, các ngân hàng còn phải trích lập dự phòng chung với tổng dư nợ (từ nhóm 1 đến nhóm 4) theo tỷ lệ 0,75%.

Dự phòng RRTD cho biết khả năng chi trả của ngân hàng khi xảy ra rủi ro.

Khi ngân hàng phải sử dụng quỹ dự phòng nghĩa là ngân hàng đang rơi vào tình

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nội dung Chương 1 đã khái quát những nội dung cơ bản về rủi ro tín dụng của ngân hàng trong đó những nội dung về bản chất của rủi ro tín dụng, phân loại, nguyên nhân và tác động của rủi ro tín dụng đến hoạt động của ngân hàng. Một nội dung quan trọng trong chương này chính là quản trị rủi ro tín dụng, làm rõ khái niệm về quản trị rủi ro tín dụng, sự cần thiết phải quản trị rủi ro tín dụng, nội dung của quản trị rủi ro tín dụng bao gồm: nhận biết rủi ro tín dụng, phân tích đánh giá rủi ro tín dụng, ứng phó rủi ro tín dụng, kiểm soát rủi ro tín dụng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH- CHI NHÁNH KONTUM

2.1 KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH - CHI NHÁNH KONTUM

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh- Chi nhánh Kon Tum

- Xuất phát từ nhu cầu thực tế của tỉnh KonTum về hoạt động ngân hàng, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh KonTum được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quyết định số 0300608092-080 ngày 09/02/2015 của Ngân hàng nhà nước và công văn số 621CV/UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh về việc cho phép Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh đặt tại chi nhánh KonTum.

- Là một đơn vị thành viên (Chi nhánh cấp 1) của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh KonTum (HD Bank KonTum) đã hoàn thành nhiệm vụ phục vụ đầu tư phát triển, cùng các doanh nghiệp bạn góp phần xây dựng cơ sở, nền móng ban đầu cho sự phát triển kinh tế- xã hội sau này của tỉnh KonTum. Hiện nay HD Bank KonTum có 1 chi nhánh, 2 phòng giao dịch

- Chi nhánh HD Bank tại 664 Trần Phú, Phường Quyết Thắng, TP KonTum, Tỉnh KonTum.

- Phòng giao dịch HD Bank Ngọc Hồi tại 843 Hùng Vương, Thị trấn Plei Kên, Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh KonTum.

- Phòng giao dịch HD Bank Đăk Hà tại 560 Hùng Vương, Thị trấn Đăk Hà, Huyện Đăk Hà, Tỉnh KonTum.

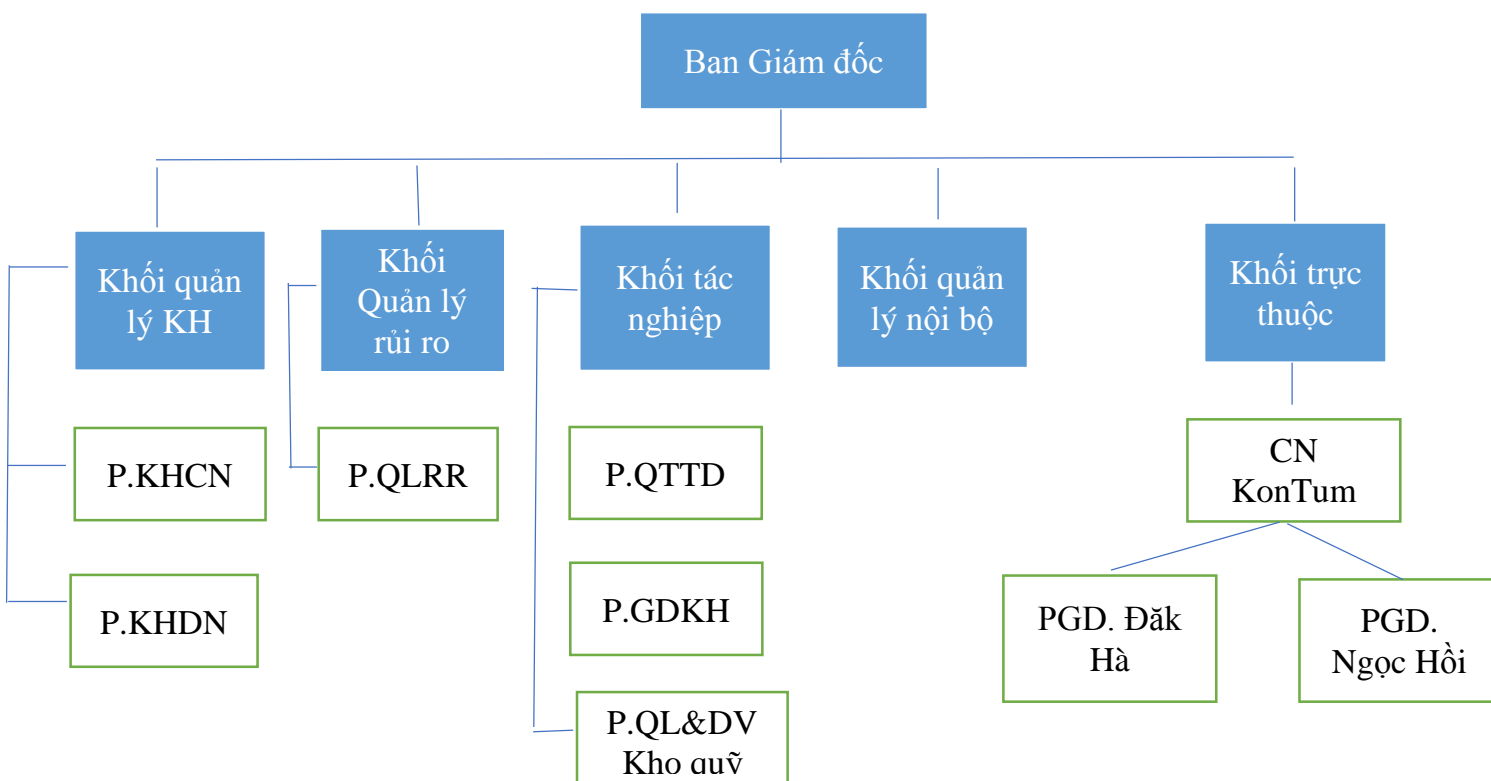
- Trải qua gần 7 năm hình thành và phát triển (2015- 2022), HD Bank KonTum đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, các sản phẩm và dịch vụ đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó chi nhánh luôn chú trọng đổi mới công tác điều hành, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên, không ngừng đổi mới phong cách làm việc, nâng cao nghiệp vụ, cải tiến công nghệ đảm bảo cho việc hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả góp phần to lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh nhà. Với sự đồng tâm nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên trong chi nhánh, HD Bank KonTum đã đạt được những thành quả đáng khích lệ:

- Dẫn đầu các ngân hàng trên địa bàn thực hiện chương trình hiện đại hóa ngân hàng
- Ngân hàng duy nhất áp dụng hệ thống chất lượng ISO 9001:2000
- Phát triển có chất lượng và đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng như huy động vốn, cho vay, bảo lãnh, thanh toán trong nước và quốc tế, dịch vụ thẻ ATM, VISA,...

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh- Chi nhánh Kon Tum

a. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý

Mô hình tổ chức của HD Bank được chia thành 5 khối: Khối quản lý khách hàng, Khối Quản lý rủi ro, Khối tác nghiệp, Khối quản lý nội bộ và Khối trực thuộc.



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Ngân hàng TMCP và Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh KonTum

(Nguồn Phòng Tổ chức hành chính- HD Bank Chi Nhánh KonTum.)

- Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban.

• Ban Giám đốc:

Giám đốc: là người lãnh đạo cao nhất của chi nhánh, trực tiếp chỉ đạo, quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh trước Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh

Các Phó giám đốc: Gồm 1 Phó giám đốc Quan hệ khách hàng và 1 Phó giám đốc Tác nghiệp.

• *Phòng Quản lý rủi ro:* Quản lý tín dụng, Quản lý rủi ro tín dụng (thẩm định rủi ro tín dụng, phát hiện các dấu hiệu rủi ro, đánh giá mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng). Kiểm tra nội bộ, quản lý tác nghiệp và thị trường, chống tham nhũng.

• *Phòng giao dịch khách hàng:* Thực hiện tất cả các giao dịch nhận tiền gửi, rút tiền,... các nghiệp vụ liên quan đến quá trình thanh toán thu chi theo yêu cầu của khách hàng, tiến hành mở tài khoản cho khách hàng, hạch toán chuyển khoản giữa NH và KH và các dịch

vụ thanh toán khác. Ngoài ra còn có nghiệp vụ giải ngân các HĐTD trên cơ sở hồ sơ đã duyệt.

- *Phòng Quản trị tín dụng*: Có nhiệm vụ giải ngân đối với các khoản vay và hoạt động cấp bảo lãnh cho KH. Theo dõi quản lý và có nghiệp vụ liên quan đến khoản vay. Tiếp nhận, kiểm tra chứng từ giải ngân, hồ sơ tài trợ.

- *Phòng Quan hệ khách hàng*: Thực hiện việc thiết lập, duy trì và mở rộng quan hệ khách hàng, trực tiếp tiếp thị, chăm sóc, duy trì và phát triển quan hệ của NH với KH. Gồm có Phòng Quan hệ khách hàng cá nhân và Phòng Quan hệ khách hàng doanh nghiệp.

- *Phòng Quản lý và Dịch vụ kho quỹ*: Đề xuất, tham mưu giúp Giám đốc về các biện pháp, điều kiện đảm bảo an toàn kho quỹ, an ninh tiền tệ; phát triển các dịch vụ về kho quỹ; thực hiện đúng quy chế, quy trình quản lý kho quỹ và an ninh tiền tệ, bảo đảm an toàn tài sản của chi nhánh và của khách hàng.

- *Phòng Kế hoạch- Tài chính*: Tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác thực hiện hạch toán kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp và lập các báo cáo tài chính thường niên của chi nhánh.

- *Phòng Tổ chức hành chính*: Quản lý, thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động. Thực hiện công tác hành chính (quản lý con dấu, văn thư, in ấn, lưu trữ, bảo mật,...) , công tác hậu cần.

- *Bộ phận điện toán*: Quản lý mạng, hệ thống phân quyền truy cập, kiểm soát tại chi nhánh, tổ chức vận hành hệ thống thiết bị tin học và chương trình phần mềm bảo mật thông tin, quản lý an toàn dữ liệu, quản lý, duy trì hệ thống thông tin, bảo trì máy tính bảo đảm thông suốt mọi hoạt động của ngân hàng.

- *Các phòng giao dịch*:

Phòng giao dịch Ngọc Hồi và Đăk Hà: thực hiện tất cả các giao dịch với khách hàng như: mở tài khoản tiền gửi, nhận tiền gửi, rút tiền, thanh toán chuyển tiền cũng như các giao dịch mua bán ngoại tệ của khách hàng. Cho vay cầm cố, chiết khấu giấy tờ có giá, cấp tín dụng và bảo lãnh.

2.3 Tình hình sử dụng lao động của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh- Chi nhánh Kon Tum

Bảng 2.1. Tình hình lao động của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh KonTum

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		So sánh			
							2019/2018		2020/2019	
	SL	%	SL	%	SL	%	+/-	%	+/-	%
Tổng số	111	100	111	100	113	100	0	0	2	1.8
Theo giới tính										
Nam	47	42.34	46	41.44	48	42.48	-1	-2.13	2	4.35
Nữ	64	57.66	65	58.56	65	57.52	1	1.56	0	0

Theo trình độ										
Trên Đại học	21	18.92	21	18.92	21	18.58	0	0	0	0
Đại học	85	76.58	85	76.58	87	76.99	0	0	2	2.35
Trung cấp, cao đẳng	2	1.80	2	1.80	2	1.77	0	0	0	0
Đào tạo khác	3	2.70	3	2.70	3	2.65	0	0	0	0

(Nguồn Phòng Kế hoạch- Tài chính Ngân hàng TMCP HD Bank Chi nhánh KonTum).

Qua bảng 2.1, ta thấy tổng số lao động của Ngân hàng TMCP HD Bank - Chi nhánh KonTum không có sự thay đổi lớn. Cụ thể có 111 lao động vào năm 2018 và số lao động không thay đổi ở năm 2019, đến năm 2020 tăng 2 lao động tức là tăng 1.8% so với năm 2019. Nguyên nhân của sự biến động này cho thấy những năm qua HD Bank vẫn phát triển ở mức ổn định. Ngân hàng không có sự mở rộng thêm nhiều PGD cho nên số lượng lao động không có sự thay đổi nhiều về mặt số lượng.

Xét theo giới tính, tỷ lệ lao động xét theo giới tính của HD Bank Chi nhánh KonTum khá đồng đều, số lượng lao động nam giới chiếm tỷ lệ thấp hơn không đáng kể so với lao động là nữ giới. Cụ thể lao động nam giới chiếm tỷ lệ 41%- 43% còn lao động nữ là từ 57% - 59%. Số lao động nữ nhiều hơn nam có thể là do đặc thù của ngành ngân hàng cần lao động nữ nhiều hơn bởi vì lao động nữ sẽ thuận lợi hơn trong việc tiếp xúc quan hệ với khách hàng.

Xét theo trình độ học vấn, nhìn tổng quát thì số lao động có trình độ đại học của HD Bank- Chi nhánh KonTum chiếm đa số. Bởi vì ngành ngân hàng luôn có các nghiệp vụ phức tạp đòi hỏi trình độ học vấn phải cao để đáp ứng nhu cầu của công việc. Lao động có trình độ đại học chiếm tỷ trọng từ 76%-77% trong tổng số lao động. Năm 2019 số lao động có trình độ đại học không thay đổi so với năm 2018. Năm 2020, lao động có trình độ đại học tăng 2 người tương ứng với tăng 2.35% so với năm 2019. Đối với lao động ở trình độ khác chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng số lao động là 2,7%. Đối với lao động trên trình độ đại học là 21 người và giữ nguyên trong ba năm 2018-2020. Lao động trình độ Cao đẳng và Trung cấp trong ba năm 2018-2020 không thay đổi là 2 lao động.

Ngân hàng HD Bank luôn chú trọng vào khâu tuyển dụng những lao động có trình độ học vấn cao, được đào tạo bài bản bởi tính chất công việc của ngành ngân hàng đòi hỏi các nhân viên phải tập trung học hỏi, phản xạ nhanh với các tình huống, các thông báo về công việc, các tiến bộ khoa học công nghệ để ứng dụng trong các nghiệp vụ của ngân hàng.

2.1.3 Kết quả kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh- Chi nhánh Kon Tum, giai đoạn 2018 đến 2020

HD Bank chi nhánh KonTum là một trong những chi nhánh ngân hàng mạnh trên địa bàn Tỉnh KonTum. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế trong những năm gần đây, liên tục qua các năm đổi mới và tự hoàn thiện mình. Ngân hàng HD Bank – chi nhánh KonTum đã có được những kết quả đáng khích lệ trong hoạt động kinh doanh của mình,

Chỉ tiêu	Năm						So sánh			
	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		2019/2018		2020/2019	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	+/-	%	+/-	%
A. Tổng thu nhập ròng	171,006	100	233,211	100	353,568	100	62,205	36.38	120,357	51.61
I. Tổng thu lãi ròng	133,029	77.79	197,899	84.86	154,681	43.75	64,870	48.76	-43,218	-21.84
II. Tổng thu nhập ròng phi lãi	27,539	16.10	31,862	13.66	35,212	9.96	4,323	15.70	3,350	10.51
III. Thu ròng kinh doanh ngoại tệ và phái sinh	405	0,237	3,271	1.40	4,426	1.25	2,866	707,65	1,155	35.31
B. Chi phí hoạt động kinh doanh	54,049	100	54,655	100	60,092	100	606	1.121	5,437	9.95
I. Chi phí quản lý kinh doanh	50,966	94.30	50,951	93.22	56,209	93.54	-15	-0.03	5,258	10.32
II. Chi phí bảo hiểm tiền gửi	3,083	5.70	3,704	6.78	3,883	6.46	621	20.14	179	4.83
C. Chênh lệch thu chi sau trả nợ TSC	0	0	0	0	0	0	0	0.000	0	0.00
D. Trích Dự phòng rủi ro	57,864	100	114,528	100	134,533	100	-9,903	-7.96	20,005	17.47
E. Lợi nhuận trước thuế	116,957	100	182,260	100	293,476	100	65,303	55.84	111,216	61.02

cụ thể

Bảng 2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của HD Bank KonTum

Đơn vị: Tỷ đồng

(Nguồn Phòng Kế hoạch- Tài chính Ngân hàng TMCP HD Bank- Chi nhánh KonTum).

HD Bank Chi nhánh KonTum là một trong những chi nhánh ngân hàng mạnh trên địa bàn KonTum. Cùng với sự phát triển của ngành ngân hàng nói chung, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh HD Bank Chi nhánh KonTum đã có những bước tiến quan trọng trong việc ứng dụng cải cách công nghệ tiên tiến, luôn nỗ lực để có thể đưa đến những tiện ích để đáp ứng những nhu cầu thị hiếu ngày càng cao của khách hàng. Thương hiệu HD Bank đã trở thành một thương hiệu ngân hàng đáng tin cậy đối với người dân. Điều này được thể hiện ở lợi nhuận của Ngân hàng HD tăng trưởng ổn định qua các năm.

a. Về tổng thu:

Tổng thu nhập ròng của chi nhánh tăng trưởng giai đoạn từ 2018-2020, cụ thể như sau: Năm 2018, tổng thu nhập ròng của NH là 171,006 tỷ đồng, đến năm 2019 tăng lên mức 233,211 tỷ đồng tức là tăng 62,205 tỷ đồng tương ứng với 36.38% so với năm 2018. Đến năm 2020 tổng thu nhập ròng đạt 353,568 tỷ đồng tăng 120,357 tỷ đồng ứng với 51,61% so với năm 2019. Tổng doanh thu của chi nhánh tăng gần gấp đôi trong giai đoạn 2018-2020 là do sự tác động của các nhân tố như sau:

-Thu nhập từ lãi ròng:

Năm 2018, nguồn thu từ lãi ròng là 133,029 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 77,79% trong tổng số doanh thu ròng. Năm 2019 tăng lên thêm 64,870 tỷ đồng tương ứng với 48,76% so với năm 2018. Cho đến năm 2020, giảm đi 43,218 tỷ đồng tương ứng giảm 21,84% so với năm 2019. Nguồn thu nhập từ lãi tăng ổn định trong 2 năm 2018-2019, và đến năm 2020 giảm mạnh cho thấy hoạt động tín dụng của NH trong giai đoạn này có xu hướng chậm phát triển hơn trong giai đoạn này.

-Thu nhập ròng phi lãi:

Thu nhập từ các hoạt động ngoài lãi cũng mang lại cho ngân hàng nguồn thu ổn định tăng đều qua các năm 2018-2020. Vào năm 2018, nguồn thu đạt 27,539 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 16,10% trong tổng thu nhập ròng. Đến năm 2019, doanh thu từ hoạt động phi lãi ròng là 31,862 tỷ đồng chiếm 13,66%, tăng 4,323 tỷ đồng tăng 15,7% so với năm 2018. Cho đến năm 2020 nguồn thu nhập ròng phi lãi tăng 3,35 tỷ đồng so với năm 2019.

-Thu hạch toán ngoại tệ và phái sinh:

Nguồn thu từ hoạt động này chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong các hoạt động mang lại thu nhập cho Chi nhánh. Năm 2018, hoạt động này mang lại 405 tỷ đồng chiếm tỷ trọng trong tổng thu nhập ròng là 0,237%. Năm 2019, đạt 3,271 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,4% trong tổng thu nhập ròng, tức là tăng 2,866 tỷ đồng so với năm 2018. Trong năm 2020 thu kinh doanh từ ngoại tệ đạt 4,426 tỷ đồng. Kết quả cho thấy Chi nhánh đang có xu hướng mở rộng hoạt động kinh doanh ngoại tệ, mặc dù nó chiếm tỷ trọng nhỏ trong các hoạt động đem đến nguồn thu cho Chi nhánh nhưng nó lại là hoạt động có mức tăng trưởng lớn.

b. Về chi phí:

Để phát triển thì ngân hàng không ngừng tăng quy mô, mở rộng cải tiến các loại hình dịch vụ, tiện ích để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Chính bởi vậy mà chi phí của NH có xu hướng tăng tăng qua các năm 2018-2020. Năm 2018 lên đến 50,049 tỷ đồng. Năm 2019, tổng chi phí Chi nhánh bỏ ra để mở rộng cải tiến loại hình dịch vụ là 50,951 tỷ đồng. Năm 2020 tăng 5,258 tỷ đồng tức là tăng 9,95% so với năm 2019. Cụ thể các khoản chi phí tăng lên như sau:

-Chi phí quản lý: Năm 2018 chi phí bỏ ra là 50,966 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 94,3% trong tổng chi phí. Đến năm 2019, khoản chi phí là 50,951 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 93,22% giảm 0,015 tỷ đồng hay giảm 0,029% so với năm 2018. Năm 2020 chi phí cho quản lý kinh doanh bỏ ra là 56,209 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 93,54% trong tổng chi phí. Sự biến động chi

phí năm 2020 so với năm 2019 cho thấy trong giai đoạn này hoạt động quản lý kinh doanh có phần tăng lên so với các năm trước.

-*Chi phí bảo hiểm tiền gửi*: Nhìn chung trong 3 năm qua các khoản chi phí bảo hiểm tiền gửi đều tăng. Cụ thể, năm 2018 tăng đến 3,083 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 5,70%. Năm 2019, tiếp tục tăng đến 3,704 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,78%, tức đã tăng 621 tỷ đồng, nghĩa là tăng 20,14% so với năm 2018. Năm 2020 chi phí bảo hiểm tiền gửi vẫn tiếp tục tăng lên đến 3,883 tỷ đồng, tức là tăng 179 tỷ đồng so với năm 2019.

c. Lợi nhuận trước thuế

Lợi nhuận trước thuế của Chi nhánh trong giai đoạn 2018-2020 tăng qua các năm. Năm 2018, lợi nhuận đạt 116,957 tỷ đồng. Năm 2019, tăng 182,260 tỷ đồng, tức là tăng thêm 65,303 tỷ đồng so với năm 2018. Năm 2020, lợi nhuận trước thuế của chi nhánh có sự tăng mạnh đến 293,476 tỷ đồng, so với năm 2019 đã tăng 11,216 tỷ đồng ứng với mức tăng 61,02%. Như vậy kết quả đạt được cho thấy Chi nhánh đang có sự phát triển bền vững và tương đối ổn định trong ba năm nghiên cứu. Ngân hàng đã và đang khẳng định vị thế của mình trong thị trường ngân hàng cạnh tranh gay gắt.

2.2. ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH – CHI NHÁNH KONTUM.

Đứng trước thực trạng rủi ro tín dụng vẫn còn tồn đọng như hiện nay, HD Bank từ lâu đã xây dựng một bộ phận quản trị rủi ro để quán triệt và ngăn chặn những ảnh hưởng xấu mà rủi ro tín dụng mang lại. Thực trạng việc tổ chức thực hiện quản trị RRTD tại HD Bank được xem xét, đánh giá trên tất cả các khâu: Nhận biết rủi ro tín dụng, Phân tích, đánh giá và đo lường rủi ro tín dụng; Ứng phó rủi ro tín dụng và Kiểm soát rủi ro tín dụng.

2.2.1. Nhận biết rủi ro tín dụng

Để nhận biết sớm RRTD, hồ sơ của khách hàng phải được thẩm định qua hai phòng (Quan hệ khách hàng và Quản lý rủi ro tín dụng)

Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ

Cán bộ quan hệ KH sau khi hướng dẫn và tư vấn KH lập hồ sơ xin cấp tín dụng sẽ tiến hành thẩm định sơ bộ hồ sơ xin cấp tín dụng đó. Mẫu hồ sơ xin cấp tín dụng đã được NH lập sẵn, trong đó yêu cầu KH cung cấp các thông tin chi tiết phục vụ cho việc thẩm định tín dụng sau này. Các thông tin và tài liệu cung cấp như thông tin cơ bản về khách hàng, tình hình tài chính hiện tại, mục đích vay, hồ sơ tài sản thế chấp, cơ sở hoàn trả lãi, gốc và kế hoạch trả nợ sẽ được CBTD sử dụng nhiều kênh khác nhau để kiểm tra, đánh giá tính thích hợp và hợp lệ.

Tiếp theo, CBTD sẽ tiến hành thẩm định khả năng thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai có liên quan đến khoản tín dụng mà khách hàng đang xin vay. Ngân hàng đã đưa ra hệ thống các tiêu chuẩn thẩm định tín dụng để phân tích, thẩm định về dự án vay vốn nhằm xác định được nhu cầu vốn thực sự, tính khả thi hiệu quả của phương án vay vốn, khả năng trả nợ, định giá TSDB và những rủi ro có thể xảy ra để sàng lọc hồ sơ xin cấp tín dụng một cách hiệu quả. Căn cứ trên kết quả của việc xếp hạng tín dụng khách hàng cùng toàn bộ hồ

sơ xin cấp tín dụng (thông thường là cấp lãnh đạo phòng khách hàng hoặc phòng giao dịch).

Sau đó, lãnh đạo phòng khách hàng hoặc phòng giao dịch trực tiếp làm việc với khách hàng sẽ kiểm tra, rà soát thông tin trên tờ thẩm định một lần nữa. Để có thể tái thẩm định được hồ sơ, cấp lãnh đạo phòng sẽ trực tiếp rà soát lại sự đầy đủ hợp lệ và hợp pháp của tất cả các thông tin, tài liệu có trong hồ sơ vay vốn. Ngoài ra các thông tin khách hàng phục vụ việc nhận kết quả chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng do CBTD thực hiện cũng được các cấp lãnh đạo xem xét lại để đảm bảo không xảy ra sơ suất. Đồng thời, cấp lãnh đạo phòng trực tiếp đó sẽ căn cứ vào hồ sơ xin cấp tín dụng để đề xuất giới hạn tín dụng có thể cấp cho khách hàng đã được cán bộ trình là đủ điều kiện vay vốn. Giới hạn tín dụng có thể cấp căn cứ vào ba nhân tố chủ yếu là thẩm quyền của phòng, kết quả chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng, và nhu cầu vay vốn đã nêu trong hồ sơ xin cấp tín dụng.

Thẩm định RRTD độc lập

Tuy nhiên, kết quả của cấp lãnh đạo trực tiếp phải được chuyển đến phòng Quản lý rủi ro để thẩm định RTTD độc lập theo quy định của ngân hàng. CBTD sẽ phải cung cấp đầy đủ hồ sơ về khách hàng và bổ sung thông tin cần thiết theo yêu cầu của phòng Quản lý rủi ro để thẩm định độc lập một lần nữa. Phòng quản lý rủi ro còn xem xét đến các giới hạn quản lý rủi ro như các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước, tỷ lệ cơ cấu tín dụng theo loại bảo đảm, kỳ hạn,... theo quy định của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh. Kết quả cuối cùng là báo cáo kết quả thẩm định RRTD trong đó nêu rõ những rủi ro mà HD Bank - KonTum có thể phải gặp khi phê duyệt khoản vay kèm theo đề xuất biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro. Nếu giới hạn tín dụng quá lớn, cần phải qua sự thẩm định và xét duyệt của Hội đồng tín dụng thì CBTD cũng phải phối hợp cùng Phòng quản lý rủi ro thực hiện các báo cáo kết quả thẩm định trước Hội đồng tín dụng cơ sở.

Quản lý và giải ngân tín dụng

Căn cứ trên tờ trình thẩm định của CBTD, đề xuất giới hạn tín dụng và báo cáo kết quả thẩm định độc lập trên, quyết định phê duyệt hoặc từ chối hồ sơ xin cấp tín dụng cùng với giới hạn tín dụng (nếu được chấp nhận) sẽ chính thức đưa ra.

Khi NH và KH ký kết hợp đồng cho vay thì quá trình giải ngân được bắt đầu, đồng thời TSBD cũng phải được đáp ứng. Việc giải ngân buộc phải có sự phê duyệt của cấp lãnh đạo phòng trở lên.

Các khoản tín dụng có thể được giải ngân thành nhiều lần khác nhau do thời gian dài, giá trị khoản vay lớn hoặc thỏa thuận giữa hai bên. Vì vậy trong trường hợp này nguyên tắc quản trị rủi ro là phải theo dõi chặt chẽ giữa các lần giải ngân để nhận biết kịp thời các dấu hiệu bất thường: khách hàng rút lượng tiền lớn bất thường hoặc liên tục, các khoản nợ khác của khách hàng có dấu hiệu khó đòi, những biến động lớn gây bất lợi cho ngành kinh doanh của khách hàng.

2.2.2. Lượng hoá và đánh giá rủi ro tín dụng

Mô hình quản trị rủi ro mà HD Bank Chi nhánh KonTum đang áp dụng hiện nay đó là mô hình quản trị rủi ro phân tán, tức là 3 bộ phận kinh doanh, quản lý rủi ro và tác nghiệp vẫn đang thực hiện tại chi nhánh, nhưng 3 chức năng này lại được phân giao cho 3 bộ phận độc lập trong chi nhánh: chức năng kinh doanh phụ trách bởi phòng Khách hàng cá nhân, phòng Khách hàng doanh nghiệp, 3 Phòng giao dịch, 4 Quỹ tiết kiệm, chức năng quản lý rủi ro do phòng Quản lý rủi ro đảm nhiệm và chức năng tác nghiệp do phòng Quản trị tín dụng thực hiện.

Để đánh giá công tác quản trị rủi ro tín dụng, trước hết cần nghiên cứu thực trạng rủi ro tín dụng đối với Khách hàng cá nhân tại HD Bank - Chi nhánh KonTum.

Hiện nay Ngân hàng HD Bank đã xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Quán triệt việc đổi mới với nội dung và phương pháp quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, hiện nay HD Bank đã nhìn nhận toàn diện rủi ro tín dụng trong mối quan hệ với các rủi ro tín dụng khác và đã quy định vấn đề lượng hóa rủi ro để làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro

**Khách hàng cá nhân:*

Hệ thống chấm điểm và xếp hạng khách hàng được chia thành hai hệ thống nhỏ theo mục đích sử dụng tiền vay. Đó là, hệ thống chấm điểm khách hàng là cá nhân vay tiêu dùng và hệ thống chấm điểm khách hàng là cá nhân vay kinh doanh.

Hệ thống chấm điểm khách hàng là cá nhân được thực hiện qua 4 bước sau:

- Bước 1: Chấm điểm các chỉ tiêu về nhân thân và khả năng trả nợ của khách hàng.

Thông tin về nhân thân bao gồm:

Bảng 2.3. Các chỉ tiêu về nhân thân của khách hàng cá nhân

Cá nhân tiêu dung	Cá nhân kinh doanh
Tuổi	
Trình độ học vấn	
Tiền án, tiền sự	
Tình trạng chỗ ở	
Cơ cấu gia đình	
Số người phụ thuộc kinh tế thường xuyên liên tục vào người vay	
Bảo hiểm nhân mạng	
Nghề nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh
Thời gian công tác	Thời gian hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hiện tại
Rủi ro nghề nghiệp	Rủi ro liên quan đến ngành nghề kinh doanh
	Sở hữu các cơ sở kinh doanh

(Nguồn HD Bank Chi nhánh KonTum)

Thông tin về khả năng trả nợ của khách hàng bao gồm:

Bảng 2.4. Các chỉ tiêu về khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân

	Cá nhân tiêu dung	Cá nhân kinh doanh
1	Mức thu nhập ròng ổn định hàng tháng chứng minh được.	Khả năng sinh lời của phương án kinh doanh (tính bằng: Lợi nhuận dự kiến từ phương án kinh doanh/Doanh thu dự kiến từ phương án kinh doanh)
2	Tỷ lệ giữa số tiền phải trả trong kỳ (gốc+lãi) theo kế hoạch trả nợ bao gồm cả các khoản nợ trước đây với HD Bank và khoản nợ đang xem xét (theo lịch trình trả nợ dự tính) và các khoản nợ với các ngân hàng khác, với nguồn trả nợ chứng minh được trong kỳ đó.	
3	Tình hình trả nợ gốc và lãi tại HD Bank	
4	Các dịch vụ sử dụng ở HD Bank	
5	Đánh giá của cán bộ tín dụng về tính khả thi của phương án kinh doanh của khách hàng.	

(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro)

- Bước 2: Tổng hợp điểm và xếp hạng khách hàng

-Tổng hợp điểm:

Điểm của khách hàng= (Điểm của các chỉ tiêu nhân thân x Trọng số phần nhân thân)+(Điểm các chỉ tiêu khả năng trả nợ x Trọng số phần khả năng trả nợ)

Trong đó: Trọng số phần nhân thân là 40%. Trọng số phần khả năng trả nợ là 60%.

Căn cứ vào tổng điểm đạt được, khách hàng sẽ được phân loại vào một trong các mức xếp hạng sau:

Bảng 2.5. Tổng hợp điểm và xếp hạng khách hàng

Điểm	Xếp loại
95-100	AAA
90-94	AA
86-89	A
80-84	BBB
70-79	BB
60-69	B
50-59	CCC
40-49	CC
35-39	C
Dưới 35	D

(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro)

- Bước 3: Đánh giá tài sản đảm bảo

-Tài sản đảm bảo được xác định dựa trên các yếu tố sau:

+Loại hình Tài sản đảm bảo (<100 điểm)

- +Giá trị Tài sản đảm bảo (<100 điểm)
- +Rủi ro Tài sản đảm bảo liên quan đến việc giảm giá trị Tài sản đảm bảo (<100 điểm)
- Tài sản đảm bảo được xếp loại theo điểm đạt được như sau:

Bảng 2.6. Các thang điểm đánh giá tài sản đảm bảo

Điểm		Xếp loại	Đánh giá
>225		A	Mạnh
75-224		B	Trung Bình
<75		C	Thấp

(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro)

Bước 4: Tổng hợp và quyết định

Ma trận ra quyết định sau khi tổng hợp điểm:

Bảng 2.7. Ma trận ra quyết định cho vay sau khi tổng hợp điểm khách hàng cá nhân

Đánh giá xếp loại cá nhân	AAA	AA	A	BBB	BB	B	CCC	CC	C	D
Xếp loại rủi ro.	Rủi ro thấp			Rủi ro trung bình			Rủi ro cao			
Đánh giá tài sản thế chấp										
A (Mạnh)	Xuất sắc			Tốt			Trung bình/ Từ chối			
B (Trung bình)	Tốt			Trung bình						
C (Thấp)	Trung bình			Trung bình/Từ chối			Từ chối			

**Khách hàng doanh nghiệp:*

Hệ thống chấm điểm và xếp hạng khách hàng là doanh nghiệp được thực hiện qua 4 bước:

- Bước 1: Căn cứ vào loại hình doanh nghiệp, khách hàng được chia thành các loại hình khác nhau:

Doanh nghiệp nhà nước
 Công ty tư nhân
 Công ty trách nhiệm hữu hạn
 Công ty cổ phần
 Công ty hợp danh
 Hợp tác xã

Trong mỗi loại hình, hệ thống sẽ quy định cách chấm điểm riêng.

- Bước 2: Chấm điểm các chỉ tiêu tài chính
 Các chỉ tiêu tài chính gồm 17 chỉ tiêu thuộc 4 nhóm bao gồm Chỉ số đảm bảo an toàn vốn (CAR), chất lượng tài sản, chỉ số khả năng thanh toán, chỉ số khả năng sinh lời.
- Bước 3: Chấm điểm các chỉ tiêu phi tài chính

Thông thường bộ chỉ tiêu phi tài chính thuộc 4 nhóm: Các yếu tố môi trường, Năng lực lãnh đạo, môi trường nội bộ và khả năng cạnh tranh của ngân hàng, Khả năng duy trì và năng lực kinh doanh cạnh tranh của ngân hàng và Các yếu tố khác.

- Bước 4: Tổng hợp điểm và quyết định

Tổng hợp điểm

Điểm của khách hàng= (Điểm của các chỉ tiêu tài chính x Trọng số phần tài chính)+(Điểm các chỉ tiêu phi tài chính x Trọng số phần phi tài chính)

Trong đó trọng số của phần tài chính và phi tài chính phụ thuộc vào báo cáo tài chính của khách hàng có được kiểm toán hay không được kiểm toán. Cụ thể:

Bảng 2.8. Trọng số của phần tài chính và phi tài chính

	Báo cáo tài chính được kiểm toán	Báo cáo tài chính không được kiểm toán
Các chỉ tiêu tài chính	35%	30%
Các chỉ tiêu phi tài chính	65%	65%

(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro)

Xếp hạng tín dụng khách hàng: Dựa trên điểm đạt được, khách hàng được xếp vào 1 trong 10 nhóm theo thang điểm như sau:

Bảng 2.9. Các thang điểm xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp

Điểm	Xếp loại
100-90	AAA
89-83	AA
82-77	A
77-71	BBB
70-65	BB
64-59	B
58-53	CCC
52-44	CC
44-35	C
Dưới 35	D

(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro)

2.2.3 Ứng phó rủi ro tín dụng.

Ứng phó rủi ro tín dụng bao gồm việc quản lý khoản vay, xây dựng các giới hạn rủi ro, xây dựng mức ủy quyền với chi nhánh, phân loại và trích lập dự phòng RRTD, xử lý nợ xấu và quản lý khoản nợ có vấn đề.

a. Quản lý khoản vay

Công tác Quản lý khoản vay của Ngân hàng HD Chi nhánh KonTum có những nội dung sau đây:

Đối với việc đánh giá lại các khoản vay:

Ngân hàng có chính sách thường xuyên đánh giá lại tình trạng khoản vay, việc sử dụng vốn vay, phân tích bảo đảm nợ vay, tình hình tài chính của khách hàng tùy vào tình trạng trả nợ của khách hàng. Nếu khách hàng vẫn trả nợ tốt và thường xuyên thì việc đánh giá lại các khoản vay được đánh giá lại theo niên độ 1 lần/năm, đối với những khách hàng không có thái độ hợp tác trả nợ định kỳ, có các thông tin xấu đến tình hình trả nợ, các CBTD sẽ đánh giá lại khoản vay 3 tháng/lần.

Nếu có sự yêu cầu bên vay thay đổi cơ bản giữa nhiều dự tính đưa ra trong hồ sơ xin cấp tín dụng và kết quả thực hiện của bên vay, đặc biệt những thay đổi liên quan đến dòng tiền sử dụng để trả nợ, ngân hàng sẽ yêu cầu gặp mặt để KH giải trình chi tiết.

Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở quan trọng để ngân hàng thực hiện những hành động cần thiết nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng liên quan đến khoản vay như thay đổi điều khoản hợp đồng cho vay thường linh hoạt thay đổi theo các văn bản của NHNN đưa xuống, chấm dứt hợp đồng cho vay.

b. Xây dựng một số giới hạn rủi ro đối với đối với việc cấp tín dụng

Một số giới hạn rủi ro trong việc tín dụng chỉ đạo toàn bộ hệ thống đã được ngân hàng xây dựng và chỉ đạo trong chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, được tiến hành kiểm điểm hàng quý qua các cuộc họp giao ban cụm, như:

Tỷ lệ cho vay có tài sản bảo đảm: KH cá nhân buộc phải có tài sản bảo đảm để cấp tín dụng, vay 80% giá trị tài sản bảo đảm theo thẩm định của ngân hàng. Ngoài ra, khách hàng có thể lựa chọn hình thức vay tín chấp thông qua đồ lương thì không yêu cầu tài sản bảo đảm.

Các giới hạn rủi ro trong cho vay và đầu tư được luật các tổ chức tín dụng quy định như cho vay không quá 30% vốn tự có vào một khách hàng cá nhân. Hàng quý, hội sở chính và các chi nhánh nhận được thông báo sự thay đổi của vốn tự có coi như tự có để căn cứ tính toán giới hạn cho vay một khách hàng. Phần lớn những giới hạn rủi ro này được quản lý tính toán tuân thủ tại Trụ sở chính của Ngân hàng, vì vậy đây là những thuận lợi trong chỉ đạo tập trung việc chấp hành những giới hạn rủi ro này.

Căn cứ chỉ đạo của Hội sở chính, các chi nhánh NH cũng đề ra các giới hạn RRTD cho riêng chi nhánh mình như: tỷ trọng cấp tín dụng có bảo đảm và không có bảo đảm; giữa nội tệ và ngoại tệ; giữa ngắn hạn và dài hạn; giữa cấp tín dụng cho nền kinh tế với cấp tín dụng qua các trung gian tài chính khác; mức tín dụng tối đa cho một khách hàng và một nhóm khách hàng có liên quan... Luôn kiểm soát để tránh rủi ro cho vay tập trung vào một khách hàng và một số ngành nghề nhất định.

Do đó, chất lượng nợ của HD Bank chi nhánh KonTum khá tốt trong thời gian vừa qua và tỷ lệ nợ xấu cũng chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng dư nợ của ngân hàng và thấp hơn nhiều so với mức trung bình của hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

c. Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Ngân hàng tín dụng phân loại tín dụng theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành “Quy định về

phân loại nợ, trích lập và sử dụng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng” và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng tổ chức tín dụng.

Ngân hàng thường xuyên phân tích và theo dõi danh mục tín dụng, đặc biệt là các khoản nợ xấu, nợ có vấn đề để có những biện pháp xử lý kịp thời khi có rủi ro xảy ra. Trên cơ sở danh mục cho vay, ngân hàng tiến hành phân loại nợ để phân loại các khoản nợ và các nhóm nợ trong hạn, nợ cần đặc biệt chú ý, nợ dưới chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn.

Khi một khoản vay được giải ngân, sẽ phải trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo tỷ lệ ngân hàng nhà nước quy định. Theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN và Thông tư 09/2014/TT-NHNN quy định dự phòng cụ thể dựa trên số dư các khoản cho vay của từng khách hàng trên cơ sở hàng quý xếp hạng khoản vay. Dự phòng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản nợ vay gốc sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được chiết khấu.

Bảng 2.10. Tỷ lệ dự phòng cụ thể năm 2018-2020

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro)

• Đánh giá công tác trích lập dự phòng của ngân hàng HD Bank Chi nhánh KonTum

d. Xử lý nợ xấu và quản lý các khoản tín dụng có vấn đề

Cán bộ Quản lý khách hàng là người trực tiếp theo dõi và đôn đốc quá trình trả nợ, có trách nhiệm chuyển nhóm nợ và thông báo lên hệ thống và gửi giấy chuyển nợ cho khách hàng.

Khi xảy ra nợ xấu, các cán bộ Quản lý khách hàng tiến hành theo dõi chặt chẽ hơn tình hình hoạt động và tình hình tài chính của KH, đôn đốc khách hàng thực hiện cam kết trong hợp đồng cho vay. Đồng thời căn cứ vào tình trạng tài sản bảo đảm, ngân hàng tiến hành phân tích khả năng thu hồi nợ để lựa chọn biện pháp xử lý nợ xấu thích hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các khoản nợ nhóm 3-5 khoản nợ không thuộc thẩm định của Phòng giao dịch do Khối Quản trị rủi ro chủ trì giải quyết trên cơ sở báo cáo của cán bộ thẩm định tín dụng.

Các biện pháp xử lý nợ xấu mà ngân hàng đang áp dụng bao gồm:

Tiếp tục theo dõi, đôn đốc khách hàng, đòi hỏi khách hàng phải trả nợ hết chứ không tiến hành trả nợ theo kỳ hạn.

Đặc biệt, đối với KH cá nhân, cán bộ Quản lý khách hàng sẽ tìm kiếm giới thiệu một ngân hàng khác nhằm vay để trả nợ cho NH mình.

Nếu KH hoàn toàn không có khả năng trả nợ, tiến hành xử lý TSBD. Thứ nhất, để cho KH tự bán/ xử lý tài sản trước. Sau khi KH không xử lý được, tiến hành thu hồi TSBD theo giá trị đã thẩm định.

2.2.4 Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng.

Ngân hàng tiến hành thực hiện kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay: Kiểm tra, giám sát vốn vay: Chú trọng trong công tác thẩm định trước khi cho vay, theo dõi vốn vay sau khi giải ngân nhằm kiểm soát tình hình sử dụng vốn cũng như đảm bảo việc sử dụng vốn của khách hàng, hạn chế nguy cơ xảy ra rủi ro trong hoạt động tín dụng của chi nhánh. CBTD thường xuyên theo dõi các khoản vay và lãi để thông báo nhắc nhở khách hàng thời hạn trả nợ. Đồng thời, CBTD phải thường xuyên thu thập và xử lý thông tin về tình hình thị trường của sản phẩm kinh doanh của khách hàng, đo lường sự biến động của giá cả, nhu cầu thị hiếu của người dân, ... Các thông tin từ khách hàng vay: độ tin cậy từ các báo cáo tài chính, dự án đầu tư, uy tín của khách hàng...

Khi phát hiện hoạt động kinh doanh, dự án đầu tư của khách hàng có nguy cơ xảy ra rủi ro, chi nhánh tiến hành sắp xếp, phân chia vào các nhóm nợ theo các mức độ rủi ro để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý thích hợp.

Một số dấu hiệu rủi ro chi nhánh đã xây dựng được như sau:

- + Khách hàng cố ý tránh né, trả lời không đi vào trọng tâm câu hỏi của CBTD.
- + Hiệu quả kinh doanh giảm sút, doanh thu giảm.
- + Không đáp ứng được các đơn đặt hàng của khách hàng.
- + Ứ đọng hàng tồn kho
- + Phụ thuộc quá nhiều vào một nhà cung cấp duy nhất.
- + Thị hiếu của khách hàng cũng như thị phần về sản phẩm còn thấp.
- + Đánh giá lại tài sản bảo đảm: Giá trị tài sản được bảo đảm đánh giá lại ít nhất sau 6 tháng và ngay sau khi có biến động lớn về giá trị tài sản hay giá trị tài sản bị hao mòn vô hình nhằm tránh khả năng rủi ro cho chi nhánh. Trên cơ sở đó, chi nhánh yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản bảo đảm hoặc giảm giá trị dư nợ tương ứng cho phù hợp và lập hợp đồng bảo đảm bổ sung theo quy định.

Điều chỉnh hợp đồng tín dụng: Sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết, nếu khách hàng có những nhu cầu phát sinh thì có thể yêu cầu phía chi nhánh điều chỉnh hợp đồng tín dụng sao cho phù hợp. Các biện pháp tín dụng thường điều chỉnh tại HD Bank KonTum gồm: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thay đổi lãi suất, thay đổi tài sản đảm bảo,... Tuy nhiên các biện pháp này chỉ được áp dụng trong trường hợp những thay đổi mới của khách hàng có tính khả thi hơn, có thể tin cậy được và có tác dụng đến việc thu nợ tốt hơn.

Biện pháp thường được chi nhánh sử dụng là cơ cấu lại nợ, áp dụng cho khách hàng được quyết định duy trì mối quan hệ tín dụng. Để được cơ cấu lại khoản vay, khách hàng phải chứng minh được khả năng hoàn trả đầy đủ cả gốc lẫn lãi khi hết thời hạn cơ cấu lại. Khi đó ngân hàng sẽ đưa ra các biện pháp nhằm giám sát chặt chẽ khoản tín dụng này: chủ động đôn đốc khách hàng vay trả nợ lãi và gốc đúng hạn; thỏa thuận với khách hàng định kỳ thu nợ phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh; hoặc thỏa thuận trong hợp đồng tín

dụng về việc quá một số ngày nhất định mà khách hàng vay không trả và không có văn bản đề nghị gia hạn nợ thì ngân hàng sẽ chuyển nợ gốc khoản vay đó sang nợ quá hạn.

Trong trường hợp khách hàng không thể khắc phục được khó khăn và đang đứng trước nguy cơ mất khả năng thanh toán, buộc các ngân hàng phải dùng các biện pháp thanh lý như tài sản đảm bảo, quan hệ với cấp chính quyền để tìm phương án tối ưu cho việc thu hồi vốn.

2.2.5. Tài trợ rủi ro tín dụng

a. Trích lập dự phòng

Trên cơ sở phân loại nợ, NH tính toán và trích lập dự phòng để tài trợ RTTD. Trường hợp số dự phòng phải trích theo kết quả phân loại nợ kỳ hiện hành lớn hơn số dư quỹ dự phòng cuối kỳ trước thì cần phải trích thêm phần quỹ dự phòng rủi ro còn thiếu, trường hợp số dự phòng phải trích theo kết quả loại nợ kỳ hiện hành nhỏ hơn số dư quỹ dự phòng cuối kỳ trước thì thực hiện thoái trích quỹ dự phòng rủi ro thừa. Quỹ dự phòng rủi ro được hạch toán vào chi phí. Dự phòng rủi ro bao gồm: Dự phòng rủi ro chung và Dự phòng rủi ro cụ thể.

Dự phòng rủi ro chung được xác định bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4.

*Dự phòng rủi ro cụ thể (R) là khoản tiền được trích lập trên cơ sở phân loại cụ thể các khoản nợ để dự phòng cho những tổn thất tín dụng, được xác định theo công thức: $R = \max\{0, (A - C)\} * r$. Trong đó:

R: số tiền dự phòng cụ thể phải trích

A: Giá trị của khoản nợ

C: Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm

r: Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể (nợ nhóm 1: $r=0\%$, nợ nhóm 2: $r=5\%$, nợ nhóm 3: $r=20\%$, nợ nhóm 4: $r=50\%$, nợ nhóm 5: $r=100\%$)

Như vậy, việc thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tại HD Bank KonTum tuân thủ theo quy định của NHNN Việt Nam. Tuy nhiên, về quy định khấu trừ của TSBĐ (C) được quy định cụ thể hơn, được điều chỉnh phù hợp với tính pháp lý và khả năng phát mại của tài sản. Điều này cho thấy NH rất quan tâm đến tính pháp lý, khả năng phát mại của tài sản để hạn chế tối đa tổn thất khi có RRTD xảy ra.

b. Xử lý rủi ro tín dụng

Theo quy định của HD Bank thì Hội đồng xử lý rủi ro tại HD Bank Chi nhánh KonTum được xử lý các trường hợp sau:

- Khách hàng là doanh nghiệp có mức nợ quá hạn từ 2 tỷ đồng trở xuống.

- Các khách hàng còn lại, có mức nợ quá hạn từ 1 tỷ đồng trở xuống.

Các biện pháp xử lý của chi nhánh được phân theo 2 hướng sau:

Thứ nhất, hướng xử lý tổ chức khai thác. Bao gồm:

- Bổ sung tài sản bảo đảm: Khoản vay có biểu hiện bất ổn, nguồn thu không rõ ràng, tài sản bảo đảm có độ khả mại thấp, thấp hơn giá trị khoản vay, có thể yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo:

- + Có sự thỏa thuận giữa hai bên trong hợp đồng tín dụng.
- + Thực hiện các biện pháp bảo đảm theo quy định coi như phần bổ sung trong hợp đồng tín dụng.

- Chuyển nợ quá hạn: Cán bộ tín dụng xác minh những lý do xin gia hạn là không hợp lệ. Đồng thời lập thông báo gửi khách hàng, bám sát nguồn thu để thu nợ. Trường hợp khách hàng có nợ quá hạn đã được bảo lãnh có quyết định xử lý. Cán bộ tín dụng cùng trưởng phòng thực hiện quyết định của lãnh đạo.

- Xử lý các tài sản bảo đảm tiền vay:

- + Bán tài sản bảo đảm tiền vay (trừ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản khác mà pháp luật quy định phải được bán tại tổ chức bán đấu giá chuyên trách)

- + Ngân hàng nhận chính tài sản đảm bảo tiền vay để thay thế chi việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm.

- + Ngân hàng nhận trực tiếp các khoản tiền hoặc tài sản của bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ trả tiền hoặc bán tài sản để trả nợ cho khách hàng vay.

Sau đó, ngân hàng tổ chức thực hiện xử lý bảo đảm tiền vay để thu nợ.

- Khoanh nợ, xóa nợ: Trường hợp sau khi đã áp dụng các biện pháp mà không thu hồi được nợ trên cơ sở những văn bản quy định, hướng dẫn của Nhà nước về khoanh, xóa nợ, cán bộ tín dụng theo dõi, rà soát điều kiện để tập hợp hồ sơ khoanh nợ, xóa nợ, báo cáo để trình lãnh đạo xem xét quyết định hoặc trình cấp thẩm quyền quyết định.

Thứ hai, hướng sử dụng các biện pháp thanh lí. Bao gồm:

- Xử lý nợ tồn đọng:

- + Nhóm 1: Nợ tồn đọng có tài sản đảm bảo.

- Những khoản vay tồn đọng, có tài sản bảo đảm không thể áp dụng hoặc đã áp dụng các biện pháp xử lý tổ chức khai thác nhưng không hiệu quả.

- Đối với nợ có tài sản bảo đảm là tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản tòa án giao cho ngân hàng thì chủ động xử lý theo các hình thức tự bán công khai trên thị trường, bán qua trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản bán cho công ty mua bán nợ của Nhà nước,...

- Đối với nợ có tài sản bảo đảm chưa đầy đủ thủ tục pháp lý và hiện không có tranh chấp tập hợp trình các cấp có thẩm quyền hoàn thiện thủ tục pháp lý để ngân hàng bán nhanh tài sản thu hồi nợ.

- Đối với nợ có tài sản bảo đảm chưa bán được, ngân hàng có thể cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn liên doanh bằng tài sản thu hồi nợ.

- + Nhóm 2: Nợ không có tài sản đảm bảo và không còn đối tượng để thu Ban chỉ đạo cơ cấu lại tài chính cho các ngân hàng thương mại xem xét quá trình chính phủ cho phép xóa nợ bằng vốn ngân sách.

- + Nhóm 3: Nợ tồn đọng không có tài sản đảm bảo và con nợ còn tồn tại, hoạt động.

- Căn cứ vào thực trạng khả năng trả nợ của doanh nghiệp, đánh giá lại nợ thực hiện các biện pháp tổ chức khai thác như: chuyển nợ thành vốn góp kinh doanh, liên doanh, mua cổ phần, giãn nợ, miễn giảm lãi suất hoặc vay vốn đầu tư thêm.

- Bán nợ để thu hồi vốn theo quy chế mua bán nợ.

- Thanh lý doanh nghiệp: Ngân hàng tổ chức họp hội đồng chủ nợ, kiến nghị giải thể, phá sản doanh nghiệp thu hồi công nợ, trong trường hợp:

- Doanh nghiệp thu lỗ kéo dài, không còn khả năng phục hồi.

- Đã thực hiện các biện pháp khai thác nhưng không thu hồi được nợ

- Phân tích đánh giá doanh nghiệp, tình hình hiện tại là không thể vãn hồi.

- Khởi kiện: Ngân hàng tiến hành các thủ tục khởi kiện con nợ ra tòa để thu hồi nợ, theo đúng trình tự tố tụng của pháp luật.

2.3 ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH – CHI NHÁNH KONTUM

a. Cơ cấu xếp hạng tín dụng

Năm 2020, toàn chi nhánh có 11,617 khách hàng được xếp hạng hệ thống tín dụng nội bộ, tăng 14%, tương ứng tăng thêm 1,455 khách hàng so với năm 2019 với tổng dư nợ 5,867,51 tỷ đồng.

Cụ thể, HD Bank tiến hành tổng kết và phân loại KH thành 3 nhóm chính:

Bảng 2.11. Phân loại khách hàng theo xếp hạng tín dụng

Xếp hạng tín dụng	2019		2020		So sánh 2020/2019
	Số lượng	Tỷ trọng%	Số lượng	Tỷ trọng%	
Loại A trở lên	6,136	60.38	7,877	67.81	1,741
Loại B đến BBB	3,932	38.69	3,652	31.44	-280
Loại CCC trở xuống	94	0.93	88	0.76	-6
Tổng	10162	100	11617	100	1,455

(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro)

Theo bảng dữ liệu cho thấy, trong năm 2020

- Số khách hàng xếp hạng A trở lên là 7877 khách hàng, chiếm 67.81% tổng số khách hàng đã được xếp hạng, tăng 28.37% so với năm 2019.

- Số khách hàng xếp hạng B đến BBB là 3652 khách hàng chiếm tỷ trọng 31.44% tổng số khách hàng đã được xếp hạng, giảm 7.25% so với năm 2019.

- Số khách hàng xếp loại từ CCC trở xuống là 88 khách hàng, chiếm tỷ trọng 0.67% tổng khách hàng được xếp hạng, giảm 0.17% so với năm 2019.

Nhìn chung khách hàng của HD Bank tiếp tục được cải thiện theo chiều hướng tích cực, số lượng khách hàng xếp loại từ BBB trở lên (Nợ nhóm 1) có xu hướng tăng lên. Các khách hàng xếp từ BB trở xuống giảm dần do với các năm trước.

Như vậy, hiện nay đánh giá RRTD khách hàng của HD Bank vẫn đang triển khai theo phương pháp tín dụng nội bộ mà bản chất của phương pháp này đó là phương pháp chuyên gia, dựa vào số liệu quá khứ kết hợp với kinh nghiệm của ngân hàng. Phương pháp này hầu như không sử dụng phương pháp định lượng cho nên không đảm bảo tính khách quan và minh bạch. Theo xu hướng phát triển chung phương pháp này không được coi là phương pháp chính để đo lường rủi ro tín dụng để đưa ra các quyết định phê duyệt tín dụng.

b. Tỷ lệ nợ xấu

Bảng: Tỷ lệ nợ xấu của khách hàng cụ thể 2018- 2020

Chỉ số	2018	2019	2020
Tổng dư nợ	6,719	6,719	6,719
Nợ xấu	168,25	488,72	211,25
Tỷ lệ nợ xấu	2.6%	7.87%	3.6%

Tỷ lệ nợ xấu của chi nhánh ở mức rất cao và có xu hướng tăng. Năm 2018, tỷ lệ nợ xấu là 2.6%. Đến năm 2019, tỷ lệ này tăng đột biến lên 7.87%. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu trong năm 2020 đã giảm xuống 3.6%, tuy nhiên vẫn còn ở mức cao hơn so với quy định (3%). Nguyên nhân nợ xấu của ngân hàng tăng cao là do khả năng hu hồi vốn khó khăn, vốn của ngân hàng đang ở mức rủi ro cao, đó là nguy cơ mất vốn.

c. Trích lập dự phòng rủi ro

Bảng 2.13. Trích lập dự phòng rủi ro năm 2018-2020

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2019/2018		2020/2019	
				Gía trị	Tỷ trọng%	Gía trị	Tỷ trọng%
Tổng giá trị	57,86	114,52	134,53	56,66	97.93	20,01	17.47

(Nguồn: Tổng hợp số liệu Phòng Kế hoạch Tài chính HD Bank Chi nhánh KonTum)

Song song với sự tăng giảm của tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ dự phòng rủi ro lại có xu hướng tăng theo từng năm. Cụ thể năm 2019 so với năm 2018 tăng 56,66 tỷ đồng, tương ứng tăng 97.93%. Năm 2020 so với năm 2019 tăng 20,01 tỷ đồng tương ứng tăng 17,47%. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tăng làm tăng chi phí giảm lợi nhuận của ngân hàng, tuy nhiên tỷ lệ trích lập dự phòng lại nhỏ hơn tỷ lệ tăng tổng dư nợ nên trong trường hợp này vẫn chưa thể kết luận việc tăng tỷ lệ dự phòng rủi ro là xấu.

Phân tích kết quả trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Bảng 2.14. Kết quả trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ số	2018	2019	2020
Tổng dư nợ	6,719	6,719	6,719
Quỹ DPRR	57,86	114,52	134,53
Nợ xấu	168,25	488,72	211,25

Tỷ lệ nợ xấu	2.6%	7.87%	3.6%
Nợ xấu/Qũy DPRR (%)	290,79%	426,76%	157,03%

(Nguồn: Tổng hợp số liệu Phòng Kế hoạch Tài chính HD Bank Chi nhánh KonTum)

Từ bảng ta thấy Chi nhánh đã tiến hành trích lập DPRR đầy đủ, đảm bảo hạn chế tối đa rủi ro khi KH không thể hoàn thành nghĩa vụ của mình như hợp đồng tín dụng ban đầu. Năm 2018, Tỷ lệ nợ xấu/Qũy DPRR là 290,79%, năm 2019 tỷ lệ này tăng lên 426,76% do tỷ lệ nợ xấu có TSBD giảm nên trích lập dự phòng rủi ro cụ thể tăng lên. Năm 2020, tỷ lệ này còn 157,03%, do tỷ lệ nợ xấu năm 2020 giảm 4,27% so với năm 2019.

2.4 NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI HD BANK CHI NHÁNH KONTUM

2.4.1 Kết quả đạt được

Nhìn chung công tác quản trị rủi ro tín dụng của Chi nhánh HD Bank KonTum giai đoạn từ năm 2018-2020 được đánh giá là khá hiệu quả và chặt chẽ với rủi ro tín dụng nằm trong tầm kiểm soát cũng như các thiệt hại mà rủi ro tín dụng gây ra cũng không quá nghiêm trọng. Những ưu điểm trong công tác quản trị rủi ro tín dụng có thể kể tới những yếu tố sau đây:

- Công tác định hướng tốt góp phần phòng ngừa rủi ro tín dụng: Quy trình cấp tín dụng tại phòng giao dịch bao gồm 4 công đoạn với 24 bước cho thấy sự chặt chẽ trong việc cấp tín dụng của ngân hàng trong việc đề phòng rủi ro tín dụng xảy ra và là tiền đề cho quản trị rủi ro tài chính tại ngân hàng HD Bank Chi nhánh KonTum.

- Xây dựng được mô hình quản trị RRTD tương đối chặt chẽ

Mô hình quản trị RRTD của HD Bank quy định khá chặt chẽ về quyền hạn và trách nhiệm của cán bộ, các phòng ban trong việc quản trị rủi ro tài chính. Sự kết hợp của mô hình tập trung phân tán được coi là phù hợp với bối cảnh thị trường hiện nay.

- Công tác nhận diện RRTD mang đến hiệu quả tích cực

Thông qua các số liệu và tỉ lệ nhóm nợ, từ đó xác định được nợ quá hạn, nợ xấu của Ngân hàng qua ba năm 2018-2020 cho thấy HD Bank KonTum có tỉ lệ rủi ro tín dụng được xếp loại thấp so với mặt bằng rủi ro tín dụng chung của ngân hàng TMCP Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng. Để đạt được thành tích này, cán bộ công nhân viên đã phải theo sát và đánh giá cũng như đề xuất giải pháp linh hoạt cho các khoản tín dụng này.

- Vận hành tốt hệ thống xếp hạng nội bộ

Hệ thống xếp hạng nội bộ cá nhân tuy chỉ mới được ban hành trong vài năm trở lại đây nhưng đã thu về kết quả khả quan. Việc xếp hạng khách hàng sẽ giúp ngân hàng đưa ra quyết định cấp tín dụng cũng như hạn chế tối đa những RRTD mà khách hàng có thể mang lại cho ngân hàng.

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát rủi ro tín dụng.

2.4.2 Những hạn chế và nguyên nhân trong công tác quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Kontum Chi nhánh Kontum

Bên cạnh những ưu điểm đạt được thì công tác quản trị rủi ro tín dụng còn một số tồn đọng mà trong quá trình phân tích thực trạng đã được nhắc tới được tổng kết lại như sau:

a. Mô hình và hoạt động của bộ máy quản trị rủi ro chưa thực sự hiệu quả

Đối với các khoản vay trong thẩm quyền của Chi nhánh: Rủi ro của các khoản vay vẫn phụ thuộc vào trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ quản trị khách hàng. Chính vì vậy, thông tin đối nghịch vẫn còn xảy ra.

Đối với các khoản vay vượt thẩm quyền Chi nhánh: Mặc dù phòng Quản lý rủi ro tín dụng có ý kiến kiểm tra định độc lập. Tuy nhiên vẫn thuộc sự quản lý của Ban Giám đốc, vẫn chịu sự điều hành và hưởng các lợi ích từ hoạt động của chi nhánh, do đó không thể đảm bảo thẩm quyền và sự khách quan về các phân tích, nhận định đối với các khoản vay của khách hàng.

b. Quy trình quản trị rủi ro tín dụng chưa chặt chẽ

- Công tác nhận diện rủi ro tín dụng chưa chú trọng nhận dạng đối tượng chính gây ra rủi ro là khách hàng.

- Về quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng có một số mặt hạn chế sau:

- Các chỉ tiêu để đánh giá xếp hạng: cách cho điểm phụ thuộc rất lớn vào ý chí chủ quan của cán bộ thực hiện chấm điểm.

- Ngoài ra, vì áp lực phải hoàn thành kế hoạch, các chi nhánh sẽ can thiệp có chủ đích nhằm thay đổi thứ hạng khách hàng theo hướng có lợi cho chi nhánh.

c. Nhân sự

- Chính sách khách hàng: Mục tiêu chính sách khách hàng chưa bao hàm đầy đủ ý nghĩa: chưa xác định được thị trường mục tiêu, chưa định hướng được danh mục cho vay hạn chế RRTD.

- Quy trình tín dụng: Việc áp dụng quy trình 3999 chung cho nhóm đối tượng khách hàng là doanh nghiệp vẫn còn một số hạn chế.

- Hệ thống thông tin nội bộ khách hàng hiện nay chưa được cập nhật đầy đủ, đáp ứng kịp thời.

d. Cơ sở hạ tầng

- Ngân hàng mới chưa có dữ liệu khách lớn.

- Hệ thống công nghệ thông tin còn bất cập.

- Các thông tin lấy từ trung tâm thông tin tín dụng (CIC) của NHNN cũng thường xuyên không cập nhật đầy đủ.

- Công tác kiểm tra giám sát nội bộ: Bộ phận kiểm soát nội bộ ở Chi nhánh chịu sự chỉ đạo điều hành của Giám đốc Chi nhánh nên việc kiểm tra giám sát nội bộ trong thời gian qua chưa thực sự phát huy hiệu quả. Trong trường hợp rủi ro phát sinh, bộ phận kiểm tra nội bộ chưa mạnh dạn đề báo cáo trực tiếp lên Hội sở chính. Báo cáo kiểm tra nội bộ chỉ mang tính hình thức, rủi ro tín dụng chưa được phản ánh một cách trung thực.

Tóm lại, qua phân tích thực trạng công tác Quản trị rủi ro tín dụng tại HD Bank KonTum cho thấy: Công tác quản trị RRTD đã và đang từng bước hoàn thiện việc nhận diện rủi ro, các công cụ đo lường, kiểm soát và thực hiện tài trợ RRTD. Công tác quản trị RRTD góp phần quan trọng trong việc phản ánh đúng bản chất, mức độ rủi ro từng khoản nợ, kiểm soát chất lượng tín dụng ở mức cho phép, có biện pháp xử lý phù hợp, thu hồi nợ xấu đạt kết quả tốt, chủ động được quỹ dự phòng để tài trợ RRTD thời gian qua.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH CHI NHÁNH KONTUM

3.1 . ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGÂN HÀNG HD BANK VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

3.1.1. Hoạt động quản lý rủi ro năm 2021 Năm 2021

HD Bank đã đánh dấu sự nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ của HD Bank tiếp tục được hoàn thiện và nâng cao tính hiệu quả, đảm bảo dự báo kịp thời và có phương án ứng phó trước mọi rủi ro với việc trở thành 01 trong 10 Ngân hàng đầu tiên đã hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel II và phù hợp với Thông tư 41 và Thông tư 13, bao gồm: tính CAR theo Basel (trụ cột 1), áp dụng đánh giá nội bộ mức đủ vốn - ICAAP (trụ cột 2), và minh bạch thông tin (trụ cột 3). Chính vì vậy, các tỷ lệ an toàn hoạt động của HD Bank luôn nằm trong giới hạn cho phép của Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ chỉ 1,26%; Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn là 19%, thấp hơn mức tối đa 40% theo quy định. Tỷ lệ dư nợ/huy động là 66,7% so với mức tối đa 85% do Ngân hàng Nhà nước quy định. Ngoài ra, HD Bank thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm hoàn thiện kiến thức về quản lý rủi ro, cập nhật quy định mới và nâng cao ý thức quản lý rủi ro từ cấp quản lý đến nhân viên

- Các hoạt động quản lý rủi ro

• Quản lý rủi ro tín dụng:

HD Bank đã thiết lập hệ thống cấp tín dụng chặt chẽ xuyên suốt từ Hội sở đến các đơn vị kinh doanh bao gồm đầy đủ các bộ phận ở tất cả các khâu: Bán hàng, thẩm định, phê duyệt, giải ngân, thu nợ. Quy trình cấp tín dụng được áp dụng theo nguyên tắc độc lập ở các khâu đề xuất – thẩm định/định giá – phê duyệt, trong đó xác định rõ từng bước và trách nhiệm của từng đối tượng tham gia

• Quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro thị trường:

Trong năm 2021, HD Bank đã hoàn thành 03 dự án quan trọng, bao gồm: đầu tư và triển khai Phần mềm phục vụ kinh doanh, quản lý về nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ, nâng cấp hệ thống chính sách về quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất sổ Ngân hàng, và hoàn thiện hệ thống chính sách về quản lý rủi ro thị trường với sự tư vấn của Công ty kiểm toán hàng đầu, nhằm đảm bảo kinh doanh hiệu quả, an toàn và phù hợp với tiêu chuẩn Basel

• Quản lý rủi ro hoạt động:

Chức năng Quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được hoàn thiện thông qua chính sách quản lý rủi ro hoạt động và từng bước triển khai giám sát các chỉ số rủi ro liên quan đến nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin. HD Bank đã từng bước triển khai hoạt động thu thập dữ liệu tổn thất (LDC- Loss Data Collection), hoạt động tự đánh giá chốt kiểm soát và rủi ro (RCSA), Kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục (BCP), giám sát các chỉ số rủi ro hoạt động chính (KRI)... phù hợp yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và thông lệ quốc tế.

- Quản lý rủi ro tập trung:

HD Bank tiếp tục hoàn thiện quản lý rủi ro tập trung theo 02 nghiệp vụ chính (phù hợp với Thông tư 13): tập trung trong cấp tín dụng và tập trung trong tự doanh ngoại hối, trái phiếu, thông qua việc xây dựng, triển khai hệ thống hạn mức rủi ro khá chặt chẽ như hạn mức cho vay tối đa một khách hàng, một nhóm khách hàng liên quan, tỷ trọng tối đa cho vay một ngành nghề/lĩnh vực, tỷ trọng tự doanh một số sản phẩm ngoại hối, trái phiếu...

- Hoạt động ứng phó với dịch Covid-19:

Trong năm 2021, với tình hình chung bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, HD Bank đã lập Ban chỉ đạo và triển khai kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục (BCP) phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. An toàn của người lao động, khách hàng luôn được đảm bảo với các thiết bị và quy trình phòng dịch theo khuyến cáo của cơ quan chức năng. Bên cạnh đó, các phương án phân tán nhân sự, làm việc trực tuyến và ứng phó các tình huống dịch bệnh được chuẩn bị kỹ lưỡng.

3.1.2. Định hướng kế hoạch năm 2022

Triển khai kế hoạch năm 2022 gắn liền với chiến lược phát triển trung và dài hạn, HD Bank tiếp tục đề ra 07 chương trình hành động, cụ thể:

- Hiệu quả gắn liền với Mục tiêu chiến lược
- Đẩy mạnh chuyển đổi số
- Khách hàng và kênh phân phối
- Sản phẩm dịch vụ
- Thương hiệu gắn liền với sản phẩm và dịch vụ
- Văn hóa
- Cổ phiếu HDB

Năm 2022, HD Bank tiếp tục là ngân hàng thương mại dẫn đầu trong tín dụng xanh, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững với nhiều ưu đãi thiết thực. Ngoài ra HDBank định hướng tập trung hoàn thành việc chuyển đổi loại hình công ty. Mảng kinh doanh, khai thác tài sản vẫn là mảng được đẩy mạnh phát triển đồng thời công ty dự kiến bổ sung các ngành nghề kinh doanh mới sau khi hoàn thành việc chuyển đổi.

Bên cạnh đó HD Bank, sẽ đẩy mạnh triển khai nhiều ưu đãi về phí và lãi suất cho vay dành cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực doanh nghiệp. Nhằm giúp doanh nghiệp và bà con tiếp cận dễ dàng các sản phẩm dịch vụ, các gói vay ưu đãi hướng đến hoàn thiện hệ thống Ngân hàng số hạnh phúc HD Bank đã triển khai dự án website 63 tỉnh thành, giúp khách hàng dễ dàng kết nối và giao dịch mọi lúc mọi nơi.

3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY QUẢN TRỊ RỦI RO HIỆU QUẢ

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị RRTD trong NHTM và thực trạng công tác quản trị RRTD tại HD Bank KonTum cho thấy: hoạt động tín dụng của chi nhánh thời gian qua đã góp phần không nhỏ trong việc đáp ứng nhu cầu vốn, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, giải quyết việc làm cho người lao động. Bên cạnh đó hoạt động tín dụng cũng mang lại nguồn thu nhập chủ yếu cho ngân hàng, nhưng cũng

chứa đựng nhiều rủi ro, công tác quản trị RRTD thời gian qua hiệu quả chưa cao, ảnh hưởng không nhỏ đến lợi thế cạnh tranh, sự tồn tại, phát triển nhanh và bền vững của ngân hàng. Do vậy việc tập trung thực hiện các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác quản trị RRTD trong thời gian tới là một yêu cầu cấp bách để đảm bảo hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững của ngân hàng.

3.2.1 . Xây dựng quy trình quản trị rủi ro chặt chẽ.

Chi nhánh phải gấp rút xây dựng và hoàn thiện giới hạn cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực,... để nguồn vốn của chi nhánh có sự phân bổ hợp lý vào các nhóm đối tượng

Đa dạng hóa danh mục tín dụng theo từng ngành, lĩnh vực, nhóm khách hàng có liên quan nhằm mang lại tính chủ động cao, giúp phân tán RRTD. Đa dạng hóa danh mục tín dụng là việc đầu tư vào nhiều lĩnh vực, ngành nghề, nhóm khách hàng có liên quan có mức độ rủi ro khác nhau, mức sinh lời khác nhau.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng là mô hình dùng để lượng hóa RRTD, xác định mức độ rủi ro có thể chấp nhận được để xây dựng chính sách cấp tín dụng, trích dự phòng RRTD để có nguồn vốn chủ động tài trợ RRTD, giúp ngân hàng tránh được tình trạng mất khả năng thanh toán, hạn chế tổn thất khi RRTD xảy ra. Do đó, cần sớm hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo hướng nghiên cứu, áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về xếp hạng tín nhiệm khách hàng, nhưng phải phù hợp với môi trường điều kiện kinh tế của Việt Nam và khả năng cạnh tranh của ngân hàng; hoàn thiện các quy trình hỗ trợ việc đánh giá RRTD. Hoàn thiện và sớm áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng

3.2.2 Nâng cao năng lực quản trị về vốn và triển khai Basel II

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro không có nghĩa là tập trung giảm nợ xấu mà hơn hết NHCP phải nâng cao năng lực về vốn, đáp ứng các tỷ lệ an toàn vốn theo thông lệ để có khả năng chống đỡ các cú sốc trong hoạt động kinh doanh, giúp giảm thiểu rủi ro và tổn thất. Nâng cao năng lực về vốn thông qua bổ sung vốn tạo đệm dự phòng các tổn thất rủi ro và thúc đẩy các biện pháp giải quyết nợ xấu; thúc đẩy các hoạt động thu phí từ các dịch vụ gia tăng, bán chéo sản phẩm bên cạnh thu lãi từ hoạt động tín dụng truyền thống.

Basell II là bộ tiêu chuẩn Quốc tế không chỉ bao gồm việc lượng hóa rủi ro thông qua các chỉ số và mô hình mà còn yêu cầu hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị, chính sách, nâng cao văn hóa rủi ro và tăng cường tính minh bạch của thị trường. Do vậy, chuẩn mực Basell II là giải pháp tối ưu để các ngân hàng thương mại trụ vững trước những biến động khó lường của thị trường tài chính.

Đến nay về cơ bản, NHCP đã đáp ứng toàn diện các yêu cầu theo tiêu chuẩn về cơ cấu quản trị, uy định kiểm soát nội bộ, hệ thống công nghệ thông tin. Trong thời gian tới, ngay sau khi được chính phủ phê duyệt tăng vốn và thực hiện tang vốn điều lệ. NHCP sẽ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuẩn mực.

3.2.3 . Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin khách hàng.

Thông tin đóng vai trò rất quan trọng, phục vụ đắc lực trong việc phân tích, thẩm định để cấp tín dụng và quản trị RRTD. Hiện nay nguồn thông tin phục vụ cho công tác

quản trị RRTD chủ yếu là do khách hàng cung cấp thông qua hồ sơ, báo cáo; nguồn thông tin thu thập từ CIC. Nhưng những nguồn thông tin này chưa đầy đủ, cập nhật không kịp thời; việc quản lý và khai thác thông tin chưa khoa học, bài bản nên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng phân tích, thẩm định và xếp hạng tín dụng KH. Do vậy, Chi nhánh cần ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào việc chọn lọc, thu thập, quản lý và khai thác hệ thống thông tin khách hàng với độ tin cậy cao hơn, hạn chế tới mức thấp nhất tổn thất tín dụng có thể xảy ra.

3.2.4 .Đào tạo chất lượng nhân sự và tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Chi nhánh cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tín dụng và quản trị RRTD đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau: có phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật; có tinh thần trách nhiệm đối với công việc; có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng tác nghiệp, phong cách làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và nhạy bén trong phân tích, đánh giá khách hàng, thẩm định phương án SXKD,...

Xây dựng hệ thống chấm điểm kết quả công việc của cán bộ tín dụng làm căn cứ xác định mức lương và lộ trình thăng tiến. Lương, thưởng phải dựa vào cả dư nợ lẫn chất lượng tín dụng, điều này buộc cán bộ tín dụng không những phải tìm cách tăng dư nợ tín dụng mà còn phải nỗ lực tránh rủi ro, nâng cao chất lượng khoản cấp tín dụng.

Động lực thúc đẩy nhân viên làm việc tốt là tiền lương. Vì vậy ngân hàng muốn khai thác tốt khả năng làm việc của nhân viên thì phải thông qua việc tổ chức sắp xếp, bố trí, phân công lao động hợp lý. Muốn sử dụng nhân viên tốt cần phải chăm sóc nhân viên, huấn luyện nhân viên, coi trọng môi trường tinh thần và các quan hệ hệ tập thể.

Chi nhánh cần thiết lập một cơ chế kiểm tra, kiểm soát hoạt động cấp tín dụng một cách có hiệu quả để giám sát trong suốt quá trình cấp tín dụng đối với khách hàng. Để công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ đi vào thực chất và đạt hiệu quả cao trong việc phát hiện và xử lý sai phạm, góp phần phòng ngừa và hạn chế rủi ro, cần thực hiện theo hướng:

- Định kỳ hoặc đột xuất thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tín dụng để kịp thời phát hiện những sai sót, rủi ro tiềm ẩn để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng;

- Kiểm tra việc chấp hành quy trình cấp tín dụng, chính sách khách hàng; kiểm tra việc thực hiện cơ chế bảo đảm tiền vay; kiểm tra hồ sơ cấp tín dụng; kiểm tra việc thực hiện phân cấp, ủy quyền trong hoạt động tín dụng,...

- Bố trí cán bộ làm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ là những cán bộ có trình độ, kinh nghiệm, am hiểu trong lĩnh vực tín dụng, pháp luật liên quan

3.2.5 . Hoàn thiện công tác quản lý cơ sở hạ tầng.

Hoàn thiện kỹ thuật thẩm định và đề xuất biện pháp quản lý tài sản bảo đảm

Về nguyên tắc, khi ngân hàng cấp tín dụng cho khách hàng, nguồn thu nợ thứ hai là từ tài sản bảo đảm tiền vay khi nguồn thu thứ nhất là từ chính thu nhập của khoản vay tạo ra không còn khả năng. Vì vậy, cho vay có tài sản bảo đảm là sự lựa chọn tốt nhất của HD Bank KonTum trong việc cấp tín dụng cho khách hàng. Do đó, vấn đề quản trị danh mục

tài sản bảo đảm tại HD Bank KonTum cần có các quy định cụ thể, trong đó cần chú trọng đến các vấn đề dễ phát sinh rủi ro gồm:

- + Quyền sở hữu tài sản bảo đảm có hợp pháp không (Tìm hiểu nguồn gốc tài sản thế chấp, cầm cố có liên quan đến việc thuê mua hay đang chịu trách nhiệm liên đới trong một giao dịch khác không);

- + Định giá chính xác tình trạng thực tế của tài sản (Sự nhạy cảm với thị trường về giá, rủi ro từ phía bên bảo đảm, sự thay đổi môi trường pháp lý đến quyền sở hữu,...);

- + Định giá tài sản theo đúng các văn bản, chế độ hướng dẫn. Những trường hợp khác phải xác định theo giá thị trường nhưng phải có căn cứ cụ thể, thực tế;

- + Kiểm tra tài sản đã được mua bảo hiểm hay chưa. Cán bộ khách hàng phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc khách hàng mua bảo hiểm đúng định kỳ;

- + Nghiêm túc thực hiện công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy trình như luật định sau khi nhận tài sản;

- + Định kỳ phải kiểm tra, đánh giá lại thực trạng và giá trị của tài sản để có những điều chỉnh về dư nợ, có hướng xử lý nhanh khi thanh toán khoản nợ có dấu hiệu suy giảm. Đặc biệt cần chú ý tài sản thế chấp là hàng tồn kho, máy móc thiết bị dễ xuống cấp, trách tình trạng giá trị sổ sách lớn hơn giá trị thực của tài sản.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1 Đối với Nhà nước, Chính phủ và các bộ ngành liên quan

- Đối với Chính phủ: Đưa ra các chính sách nhằm bình ổn thị trường, chính sách ngang tầm vĩ mô. Cùng với đó là các quy định trong công tác Quản trị rủi ro tín dụng tại NHTM.

3.3 Chính phủ cần đưa ra những chủ trương, giải pháp nhằm bình ổn giá cả, kiểm soát lạm phát và tiếp tục hệ thống hóa, nâng cao phát triển thị trường tài chính nói chung cũng như hệ thống ngân hàng nói riêng.

3.4 Tạo một nền kinh tế tăng trưởng tốt, một môi trường năng động nhằm thu hút được các nguồn đầu tư trong và ngoài nước.

- Nâng cao năng lực, quyền hạn trong hoạt động tiền tệ, tạo nên tính độc lập trong hoạt động quản lý cho NHNN.

- Các NHTM thường gặp khó khăn trong việc thẩm định hồ sơ tài chính của KH, như báo cáo tài chính bởi vì những thông tin này thường có sự hạn chế về độ chính xác và độ tin cậy. Vì vậy chính phủ cũng như các cơ quan liên ngành cần đưa ra các quy định, biện pháp nhằm nâng cao tính minh bạch thông tin chính xác trong việc đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp.

- Việc có thêm nguồn thông tin uy tín để đánh giá khách hàng là rất cần thiết đối với các NHTM, do đó Nhà nước, Chính phủ và các bộ ngành chức năng cần phải ban hành khuôn khổ pháp lý nhằm xếp hạng mức độ tín nhiệm của công ty, tạo nên nguồn thông tin hữu ích trong công tác tín dụng cho các NHTM.

- Rút gọn quy trình giao dịch đảm bảo khi KH thực hiện giao dịch đăng ký tài sản bảo đảm cho một món vay.

- Thủ tục, quy trình trong quá trình phát mại tài sản còn rườm rà, phức tạp gây mất nhiều thời gian của ngân hàng. Vì vậy cơ quan thi hành án cần có thủ tục nhanh chóng để bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng, ngoài ra Nhà nước nên thành lập một thị trường về đấu giá tài sản mà ngân hàng phát mại, giúp cho quá trình xử lý tài sản bảo đảm được thực thi nhanh chóng, gọn.

- Chính quyền địa phương phải thường xuyên cung cấp thông tin về khách hàng giúp ngân hàng nắm được tình hình kinh tế trước, trong và sau khi cho vay của họ để đưa ra những quyết định đúng đắn trong công tác cho vay, kiểm soát được khoản vay mà khách hàng đã sử dụng có, biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện rủi ro.

3.3.2 Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Đưa ra các chính sách nhằm hỗ trợ khuyến khích và thực hiện đúng vai trò là người liên kết, là đường truyền thông tin và là “Người cho vay cuối cùng” trong việc cung ứng các dịch vụ thanh toán, tín dụng đối với các NHTM.

- Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động tín dụng của các NHTM. Nghiên cứu, phân tích tình hình kinh tế, chính trị, xã hội,... có nguy cơ dẫn đến rủi ro trong hoạt động tín dụng để đưa ra lời cảnh báo giúp cho các NHTM có thể đưa ra những phương án nhằm dự phòng rủi ro, biện pháp để phòng tránh rủi ro, giảm thiệt hại xuống mức tối thiểu.

- NHNN cần thường xuyên cập nhật, bổ sung thông tin chính xác của khách hàng trên hệ thống CIC. Đưa ra những biện pháp giúp NHTM hiểu rõ về trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như quyền lợi khi cung cấp và sử dụng thông tin trên hệ thống CIC.

- NHNN là cơ quan thực hiện chức năng quản lý và ổn định tiền tệ, quản lý hoạt động tín dụng ở tầm vĩ mô do vậy NHNN cần phải đưa ra những nhận định, phân tích tình hình, diễn biến thị trường trong nước qua các thời kỳ, từ đó rút ra được những đánh giá, dự báo để giúp các NHTM có nguồn tham khảo uy tín, đáng tin cậy khi thực hiện việc hoạch định chiến lược trong công tác quản trị RRTD cho mình.

- Tiếp tục hoàn thiện sơ đồ bộ máy thanh tra, giám sát việc thực hiện hoạt động trong ngân hàng và hoạt động một cách độc lập trong tổ chức bộ máy của NHNN. Việc thanh tra phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc thận trọng, kỹ lưỡng trong thanh tra, ứng dụng được những nguyên tắc về giám sát hiệu quả hoạt động.

KẾT LUẬN

Tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh chủ lực trong chuỗi hoạt động của Ngân hàng TMCP nói chung và Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh nói riêng, đem lại gần 65% tổng thu nhập của ngân hàng, tuy nhiên khả năng sinh lời thường tỷ lệ thuận với rủi ro. Do đó, rủi ro trong kinh doanh ngân hàng có xu hướng tập trung vào hoạt động tín dụng, từ đây rủi ro tín dụng là loại rủi ro có thể gây nên hậu quả vô cùng nghiêm trọng không chỉ với ngân hàng nói riêng mà còn có thể ảnh hưởng tới nền kinh tế cả nước.

Chuyên đề đã tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến cơ sở lý luận về Rủi ro tín dụng và Quản trị tín dụng một cách rõ ràng.

Sau khi giới thiệu về lịch sử hình thành và phát triển cũng như các thông tin liên quan đến cơ sở thực tập, chuyên đề đã đi từ quy trình Cấp tín dụng bán lẻ tại HD Bank Chi nhánh KonTum để người đọc có thể nắm bắt được một cách khái quát về hoạt động tín dụng được vận hành như thế nào tại một Chi nhánh.

Trong thời gian qua, quản trị rủi ro của HD Bank Chi nhánh KonTum đã đạt được những thành tựu đáng kể, dựa vào tình hình cho vay cấp tín dụng để nêu ra những ưu điểm cũng như hạn chế của hệ thống quản trị rủi ro tín dụng. Để làm rõ hơn về thực trạng Rủi ro tín dụng và Quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh HD Bank KonTum, luận văn đã tập trung vào các nội dung cụ thể như sau:

- Phân tích tình hình cấp tín dụng trong giai đoạn 2018-2020
- Đánh giá thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh Chi nhánh KonTum giai đoạn 2018-2020
- Tìm hiểu nguyên nhân của những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh Chi nhánh KonTum

Sau khi nghiên cứu các nội dung trên, luận văn đã đưa ra một số biện pháp và kiến nghị để hoàn thiện hệ thống Quản trị rủi ro tín dụng, góp phần đẩy lùi và khắc phục những hậu quả của rủi ro tín dụng có thể gây ra.

Mặc dù có nhiều cố gắng để đạt được những kết quả như trình bày, song do trình độ và thời gian có hạn, thêm nữa vấn đề nghiên cứu sâu rộng và được cập nhật kiến thức thường xuyên, việc thu thập tài liệu, số liệu nội bộ của HD Bank Chi nhánh KonTum chưa được nhiều (lý do vấn đề bảo mật) nên chắc chắn đề tài không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Song với sự hướng dẫn tận tình của GV Nguyễn Thị Phương Thảo, bằng kiến thức đã học, tôi mong muốn góp một phần nhỏ bé của mình vào sự phát triển của ngành Ngân hàng nói chung và HD Bank Chi nhánh KonTum nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Thống đốc NHNN về việc Quy định phân loại tài sản, có mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

[2] Nguyễn Văn Tiến (2012), Quản trị Ngân hàng thương mại, NXB Thống kê, Hà Nội.

[3] Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN KonTum, báo cáo tổng kết năm 2018, 2019,2020.

[4] Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh- CN KonTum, báo cáo thường niên năm 2018, 2019,2020.

[5] Phan Thị Thu Hà (2013), Giáo trình ngân hàng thương mại, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[6] <http://www.mof.gov.vn>. Trang web của bộ tài chính

[7] <http://tapchinganhang.gov.vn>. Tạp chí Ngân hàng

PHỤ LỤC

Phân loại nhóm nợ theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN

Nhóm nợ	Biểu hiện
Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)	<ul style="list-style-type: none">• Khách hàng đang nợ trong hạn và được đánh giá có khả năng thu hồi được đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn.• Khách hàng đang bị nợ quá hạn dưới 10 ngày và vẫn được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi bị quá hạn và khoản lãi và gốc trong thời hạn còn lại.
Nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	<ul style="list-style-type: none">• Khách hàng bị nợ quá hạn từ 10- 90 ngày.• Khách hàng được gia hạn nợ lần đầu.
Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)	<ul style="list-style-type: none">• Khách hàng nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày.• Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân loại vào nhóm 2 trở lên.• Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả đủ theo hợp đồng tín dụng.
Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)	<ul style="list-style-type: none">• Khách hàng nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày.• Các khoản nợ khó đòi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.• Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.
Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)	<ul style="list-style-type: none">• Khách hàng nợ quá 360 ngày.• Các khoản nợ khó đòi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.• Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai.• Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên (kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn).• Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên công ty đầy đủ: Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh – Chi nhánh Kon Tum	
Tên giao dịch: Ngân hàng HDBank	
Địa chỉ công ty hiện tại: 556A Trần Phú – Phường Quyết Thắng – Thành Phố Kon Tum – Tỉnh Kon Tum	
Số điện thoại giao dịch: 02603919242	Số hotline: 19006060
Email/Website giao dịch: www.hdbank.com.vn	

Loại hình doanh nghiệp	<input type="checkbox"/> Doanh nghiệp nhà nước	<input type="checkbox"/> Công ty hợp danh
	<input checked="" type="checkbox"/> Công ty cổ phần	<input type="checkbox"/> Công ty TNHH
	<input type="checkbox"/> Doanh nghiệp liên doanh đầu tư nước ngoài	<input type="checkbox"/> Doanh nghiệp tư nhân
	<input type="checkbox"/> Doanh nghiệp chế xuất	<input type="checkbox"/> Loại khác
Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh	<p>Hoạt động trung gian tiền tệ khác</p> <p>Chi tiết: huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; vay vốn của các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; hùn vốn và liên doanh theo luật định; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng, thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế; huy động các loại vốn từ nước ngoài khi nhận được ngân hàng nhà nước cho phép; hoạt động bao thanh toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán trái phiếu với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá; - Mua bán trái phiếu với mục đích đầu tư; - Hoạt động ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; - Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng đối với các bên nhận bảo lãnh là các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài; - Cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn <p>Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm</p> <p>Chi tiết: đại lý bảo hiểm</p> <p>Buôn bán kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: Bán buôn vàng trang sức, mỹ nghệ; Kinh doanh mua, bán vàng miếng</p> <p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, mỹ nghệ</p>	
Số lượng nhân viên	30 nhân viên	
Trụ sở công ty	<input checked="" type="checkbox"/> Trụ sở thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Trụ sở thuê	

Nhà xưởng, trang thiết bị	<input checked="" type="checkbox"/> Không có dây chuyền sản xuất
	<input type="checkbox"/> Nhà xưởng, dây chuyền sản xuất đi thuê
	<input type="checkbox"/> Có nhà xưởng, dây chuyền sản xuất phù hợp

Mức độ phụ thuộc: <input type="checkbox"/> Công ty độc lập <input type="checkbox"/> Chi nhánh hạch toán độc lập <input checked="" type="checkbox"/> Chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
Vốn kinh doanh: <input type="checkbox"/> Vốn tự có <input type="checkbox"/> Vay ngân hàng <input checked="" type="checkbox"/> Huy động từ các nguồn vốn khác			
Doanh thu, lợi nhuận của 03 năm liền kề: <div style="text-align: right;">Đơn vị tính:</div>			
Năm			
Doanh thu			
Lợi nhuận			

Đơn vị chủ quản	Tên đơn vị chủ quản: Ngân hàng TMCP Phát triển Tp Hồ Chí Minh
	Mã số:
	Địa chỉ: 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, T.P Hồ Chí Minh
	Điện thoại: +84-(08)-6291 5916
	Email/Website: info@hdbank.com.vn / http://hdbank.com.vn
	Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ khách hàng cá nhân <ul style="list-style-type: none"> • Huy động cá nhân • Sản phẩm cho vay • Dịch vụ ngân hàng điện tử (Ebanking) • Dịch vụ thu hộ • Dịch vụ kiều hối • Sản phẩm thẻ Dịch vụ khách hàng doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> • Tín dụng • Huy động và dịch vụ • Tài chính trọn gói
	Giám đốc đơn vị chủ quản: Nguyễn Văn Hào
Chi nhánh/Các đơn vị trực	Số lượng các Chi nhánh/Các đơn vị trực thuộc: 220 điểm giao dịch Mã số:

thuộc	Địa chỉ:
	Điện thoại:
	Email/Website:
	Lĩnh vực kinh doanh:
	Giám đốc chi nhánh/đơn vị trực thuộc:

<i>Chủ doanh nghiệp</i>	
Họ tên:	
Điện thoại cố định	Điện thoại di động:
Số fax:	Địa chỉ email:

<i>Giám đốc</i>	
<i>Họ tên: Nguyễn Quang Huy</i>	
<i>Điện thoại cố định:</i>	<i>Điện thoại di động: 0913.391.533</i>
<i>Địa chỉ email: huynq@hdbank.com.vn</i>	

<i>Trưởng phòng nhân sự</i>	
Họ tên: Nguyễn Văn Quân	
Điện thoại cố định:	Điện thoại di động: 0979.066.443
Địa chỉ email: quannv1@hdbank.com.vn	

<i>Trưởng phòng KHCN (Bộ phận sinh viên thực tập)</i>	
Họ tên: Đặng Quốc Cường	
Điện thoại cố định:	Điện thoại di động: 0935.795.669
Địa chỉ email: cuongdq1@hdbank.com.vn	

Cán bộ hướng dẫn tại đơn vị

Họ tên: Đặng Quốc Cường

Điện thoại cố định :

Điện thoại di động: 0935.795.669

Địa chỉ email: cuongdq1@hdbank.com.vn